

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 56

Mục 3: Từ “Thiện nam tử, ư thử...” trở xuống là chỉ ra Thiện hữu ở phần vị sau, trong đó có hai: a- Nêu ra Y-Chánh của Thiện hữu; b- Từ “Nhữ khả vãng...” trở xuống là khuyến khích đi đến, chỉ dạy thưa hỏi.

Mục a- Nêu ra Y-Chánh của Thiện hữu:

Đất nước tên gọi Thắng Lạc, bởi vì những Tri thức tiếp về sau nương vào Trú thứ nhất này, thù thắng vượt qua phần vị trước là do Tín mà vui thích.

Núi tên gọi Diệu Phong, núi có hai nghĩa: 1- Nghĩa về vắng lặng không lay động; 2- Nghĩa về cao vượt lên nhìn thấy tất cả. Dùng để ví cho Trú thứ nhất, tâm hiểu biết bắt đầu dựng lên, dựa vào Định mà phát Tuệ, vắng lặng không lay động, Trí soi xét không sót, thấy suốt nguồn gốc của quả, quán sát vạn loại dưới thấp. Dùng núi để biểu thị cho Trú thứ nhất, bước lên đỉnh cao của tâm này liền thành Chánh giác, cho nên gọi là Diệu Phong.

Thiện hữu tên gọi Đức Vân, là đầy đủ đức như mây. Mây có bốn nghĩa: 1- Rộng khắp; 2- Ẩm ướt; 3- Che phủ; 4- Tuôn mưa.

Dùng bốn loại đức như thứ tự để phối hợp: 1- Định; 2- Phước; 3- Bi; 4- Trí.

Nhưng nghĩa về Đức ở đây, dựa vào sự việc, dựa vào biểu hiện tất cả đều đầy đủ, mà bắt đầu ra khỏi Ngoại phạm, cho nên dùng Tỳ-kheo để biểu thị.

Mục b là khuyến khích đi đến, chỉ dạy thưa hỏi, có thể biết.

Mục 4- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là nghĩ đến ân đức, từ tạ rút lui: Mừng được nghe đến Thiện hữu sau cho nên vui vẻ hơn hờ, buồn bã từ tạ âm thanh đức hạnh cho nên ghen ngào rơi lệ. Các Thiện hữu ở phần vị sau dựa theo đây có thể biết.

Nhưng hai đoạn sau, nghĩa tuy thuộc về phần vị sau mà vẫn thuộc

về Hội trước.

Hỏi: Đại Thánh có Trí có thể thuyết giảng, Thiện Tài có Cơ có thể tiếp nhận, sao không lập tức nói rõ cho Thiện Tài, mà riêng biệt chỉ ra người khác, trải qua sự việc của các Thiện hữu? Trình bày về ý nghĩa sâu xa này, sơ lược đưa ra mười nghĩa:

1- Trình bày tổng quát về tướng, bởi vì làm quĩ phạm cho hàng Hậu học, nghĩa là Thiện Tài mong cầu về pháp không hề mệt mỏi, mà các vị Thiện hữu thuyết giảng về pháp không có gì tiếc lẩn.

2- Bởi vì hiển bày về duyên của Hạnh thù thắng, nghĩa là Thiện hữu đích thực hoàn toàn là Phạm hạnh, như A-xà-thế gặp được Kỳ Vực, giống như Tịnh Tạng chuyển hóa Diệu Nghiêm...

3- Bởi vì phá trừ Ngu-Chấp, nghĩa là khiến cho tâm ngu si của người không gặp Thầy, quên mình mà mong cầu khắp nơi.

4- Bởi vì phá trừ Kiến-Mạn, nghĩa là khiến cho người không quán sát về chủng tánh, không xấu hổ hỏi đến người dưới, mà cung kính phụng sự tất cả.

5- Bởi vì phá trừ về chấp Không, nghĩa là không những không có mong cầu, mà trong chỗ không có mong cầu, mình phải mong cầu về điều đó.

6- Bởi vì khiến cho ngay nơi sự việc-ngay nơi thực hành, thà rằng có thể nghe một ít mà vẫn có thể chứng thực tiến vào, chứ không ở nơi nghe nhiều mà không chứng đạt.

7- Bởi vì phá trừ tâm thâu nhiếp hệ thuộc của người thuyết pháp, phân biệt bên này-bên kia, là đồ chúng của mình, học trò của mình.

8- Bởi vì hiển bày nương vào phần vị từng bước tu tập tiến vào, nếu không mở rộng về sau, thì trong mỗi một phần vị sẽ dừng lại mà không có Thắng tiến.

9- Bởi vì hiển bày về pháp Phật rất sâu rộng, các vị Thiện hữu tôn sùng đều khiêm tốn từ chối, hạng phàm phu lẽ nào thích hợp để đoán định theo suy nghĩ của mình?

10- Bởi vì hiển bày về Thiện Tài cùng với các vị Thiện hữu làm thành duyên khởi, nghĩa là chủ động tiến vào-thụ động tiến vào không có hai tướng. Bởi vì không có Thiện Tài ở ngoài các vị Thiện hữu, thì một ngay nơi tất cả, là rõ ràng Thiện Tài trải qua các phần vị. Bởi vì không có các vị Thiện hữu ở ngoài Thiện Tài, thì tất cả ngay nơi một, là nhiều phần vị thành tựu đều thuộc về Thiện Tài, do đó nhìn thấy tụ vào-tản ra tự tại không có gì ngăn ngại.

Mười nghĩa trên đây, một nghĩa đầu bao gồm thầy-trò, năm nghĩa

tiếp phần nhiều dựa theo học trò mà nói, nghĩa thứ bảy dựa theo thầy, ba nghĩa sau dựa theo giáo, suy nghĩ có thể biết.

Mục thứ hai- Từ “Hương Thắng Lạc quốc...” trở xuống có mười vị Thiện hữu, nương vào phần vị Thập Trú, tức là mười đoạn.

Nhưng các vị Thiện hữu ở phần vị sau, Cổ đức phân định tách biệt (Khoa phán), từ một đến mười tuy đều có lý, nhưng nay tóm lược giữ lại một vài điều, nghĩa là:

1: Dựa vào Pháp sư Biện, phân ra làm ba mục: Một-Nghe đến tên gọi mong cầu tìm kiếm là phần vị Gia hạnh; hai-Tiếp nhận pháp đã thuyết giảng là đích thực chứng đạt pháp giới; ba-Nương vào mở rộng Thắng tiến là phần vị Hộ đắc.

2: Hoặc là phân làm năm mục: Một- Nêu ra pháp khuyến khích tu tập; Hai- Y theo lời dạy hướng đến tiến vào; Ba- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi; Bốn- Chính thức chỉ ra pháp giới; Năm- Nương vào mở rộng Thắng tiến.

Hai cách trên đây đều dựa theo phần vị mà phân định, chọn lấy chỉ ra vị Thiện hữu sau ở trong mục trước, bởi vì thuộc về phương tiện của mục sau, bởi vì tên gọi của vị Thiện hữu sau thuộc về phần vị sau, dựa theo nghĩa thì rất khéo léo mà vẫn không thích hợp ở chi tiết.

Nay dựa vào Pháp sư Ý và luận Ngũ Đài, dựa theo kết hợp phân định mà phân làm sáu mục, nhưng tên gọi chỉ khác nhau ở chi tiết: Một-Y theo lời dạy hướng đến mong cầu; Hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi; Ba- Khen ngợi trao cho pháp; Bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến; Năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau; Sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ giã. Mà các văn phần nhiều đầy đủ, có phần tăng-giảm đến văn sẽ phân định tách biệt.

Đoạn một: Phát Tâm Trú: Văn đầy đủ sáu mục này.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Thấy tâm lên cao trên phần vị, cho nên nói là trèo lên núi. Trí xem xét Hạnh ở phần vị là quán sát mười phương. Tình mong mỏi đạt được mục đích là muốn gặp gỡ Đức Vân. Bảy giác làm Trợ đạo là trải qua bảy ngày, bởi vì quên hết phần vị đã trú vào mới thật là đạt được mục đích. Thấy ở núi khác, thấy là Định-Tuệ cùng qua lại, là kinh hành thông thả từng bước. Thông thả từng bước tức là Chỉ, bởi vì không trú vào Tưởng rồi loạn. Kinh hành tức là Quán, bởi vì không trú vào Tâm yên lặng. Nếu dựa theo Sự mà nói, thì chính là tu tập Tam-muội Bát Chu.

Mục hai- Từ “Kiến dĩ vãng nghệ...” trở xuống tức là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, trong đó có bốn: 1- Nghi thức chào hỏi cung kính,

bởi vì tôn trọng người và pháp. 2- Từ “Tác như thị...” trở xuống là bày tỏ mình đã phát tâm, bởi vì rõ ràng có pháp khí. 3- Từ “Nhi vị tri...” trở xuống là chính thức trình bày về điều thưa hỏi, làm sáng tỏ điều mình chưa biết, thỉnh cầu tùy theo căn cơ mà thuyết giảng. Trong thưa hỏi, đối với mười một câu trước đây, nêu ra câu đầu tóm lược câu sau là người kết tập kinh pháp tóm lược; nếu Thiện Tài tóm lược thì Thiện hữu làm sao hiểu được? 4- Từ “Ngã văn Thánh giả...” trở xuống là ca ngợi về đức mà thỉnh cầu thuyết giảng, có Trí thì có thể khéo léo phương tiện, có Bi thì không có gì tiếc lẩn, cho nên thuận theo để thuyết giảng. Dự nghĩa là khuyến dụ nói cho biết, tức là giảng dạy truyền trao, để thành tựu về Giải trước đây. Hối nghĩa là dạy dỗ nêu ra, tức là giảng dạy khuyến nhủ, để thành tựu về Hạnh trước đây. Sau đều dựa theo đây.

Trước đây thưa hỏi là chỉ thưa hỏi về nhân tròn vẹn, trong này kết luận là mong mỏi về quả đầy đủ, tức là những việc làm của phát tâm.

Mục ba- Từ “Thời Đức Vân...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, tức là chính thức tiến vào pháp giới, trong đó có hai: 1- Khen ngợi về pháp khí hiếm có; 2- Chính thức chỉ ra pháp giới.

Mục 1- Khen ngợi về pháp khí hiếm có, có hai mục:

Mục a- Nêu lên hai điều khó thực hiện, cho nên khen ngợi là bởi vì khiến cho tự quý trọng và vui mừng nghe pháp.

Mục b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt nhắc lại câu hỏi trước đây. Có mười một câu: Câu đầu nhắc lại câu hỏi tổng quát, mười câu còn lại nhắc lại câu hỏi riêng biệt. Văn có đôi chút tách ra-hợp lại mà đều dựa theo thứ tự:

Một- Cảnh giới, tức là hưởng về hạnh Bồ-tát trước đây, hưởng về bao gồm chủ động-thụ động, cảnh dựa theo thụ động hưởng về.

Hai- Tức là Hạnh trước đây, bởi vì Hạnh thì vượt ra.

Ba- Tức là thanh tịnh trước đây.

Bốn- Tức là tiến vào trước đây, tiến vào tức là tâm rộng lớn không đả theo Không-Hữu.

Năm- Tức là thành tựu.

Sáu- bảy và tám đều là tùy thuận trước đây, môn Giải thoát ấy là chủ động tùy thuận, chỉ ra nghiệp đã thực hiện tức là sự nghiệp tùy thuận, thuận với tâm chúng sinh tức là tùy thuận đूर् theo căn cơ. Câu thứ tám này cũng là nhớ nghĩ không quên, bởi vì nhớ nghĩ chúng sinh.

Chín- Tức là tăng thêm rộng lớn, nói không trú vào Niết-bàn là môn Sinh tử, không trú vào Sinh tử tức là môn Niết-bàn, bởi vì Đạo không dừng lại tức là có thể tăng thêm rộng lớn.

Mười- Tức là mau chóng đầy đủ hạnh Phổ Hiền, nếu hiểu rõ Hữu vi-Vô vi không phải một-không phải khác, không hề đả theo thì đã mau chóng đầy đủ, cũng tức là đầy đủ rồi.

Mục 2- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, tức là Tam-muội Niệm Phật, trong đó có hai: a- Nêu ra Thể-Tướng; b- Từ “Phổ quán...” trở xuống là trình bày về Dụng thù thắng.

Mục a- Nêu ra Thể-Tướng, có hai tiết: Một- Nêu lên tên gọi; Hai- Từ “Tín nhân...” trở xuống là giải thích về Tướng.

Tiết một- Nêu lên tên gọi.

Tự tại có hai nghĩa: 1- Cảnh quán sát tự tại; 2- Tác dụng tự tại.

Quyết định cũng có hai nghĩa: 1- Trí quyết đoán; 2- Tín không hề do dự.

Giải tức là Thắng giải cũng có hai nghĩa: 1- Dựa theo Nhãn nại được đối với cảnh là nhân của Tín; 2- Duy trì phù hợp đối với cảnh là nhân của tác dụng. Nơi gần làm xa..., Tín-Trí giúp đỡ nhau, cảnh khác không thay đổi, cho nên gọi là Lực, tức là nghĩa của Tam-muội.

Trong tiết hai là giải thích về Tướng: Tín nhân thanh tịnh, giải thích về nghĩa của Giải trên đây, nghĩa là muốn tu pháp Tam-muội Niệm Phật, thì trước phải Chánh Tín, tiếp là dùng Trí quyết định rõ ràng. Nay nhãn nại được đối với cảnh là nhờ vào Thắng giải, đối với Thật đức có thể chứng được tâm Tín thanh tịnh, nhìn thấy hiểu biết rõ ràng, cho nên gọi là mắt.

Tiếp là ánh sáng của Trí chiếu rọi sáng ngời, giải thích về nghĩa của Quyết định trên đây, nghĩa là quyết đoán gọi là Trí, bởi vì Trí vốn là quyết định. Vì vậy kinh Văn Thù Bát Nhã trình bày về Tam-muội Nhất Hành Niệm Phật, trước là trình bày về pháp giới bất động; nhận biết pháp giới chân thật không thích hợp với lay động, tức là nghĩa của Giải thuộc về Quyết định trong này.

Nhưng dựa theo phần vị nương vào chính là Thể của Phát Tâm Trú, dùng lực của nghe (Văn) huân tập cho tánh của Giải vốn có, nay bắt đầu phát ra chính là Giải thuộc về Quyết định.

Trong mục b là trình bày về Dụng thù thắng, cũng là lần lượt chuyển tiếp giải thích về thành tựu, trong đó có hai tiết: Một- Dựa theo Dụng bên trong; Hai- Từ “Vãng nghệ...” trở xuống là trình bày về Dụng bên ngoài.

Tiết một- Dựa theo Dụng bên trong: Quán sát tất cả cảnh giới tức là Dụng của Tín nhân, cũng giải thích về nghĩa của Nhãn, bởi vì Như

là Phật thì không có cảnh nào không phải là Phật, cho nên nói là quán sát tất cả. Lại hoặc là Báo thân hay là Hóa thân, quán sát ngay trong một lúc.

Tiếp là lia xa tất cả chướng ngại, giải thích về nghĩa của thanh tịnh. Hoặc là chìm xuống hay là nổi lên, các Cái-các Thủ đều vốn là chướng ngại của Tam-muội.

Tiếp là khéo léo quán sát, giải thích về ánh sáng của Trí chiếu rọi sáng ngời, nghĩa là đối với tướng Vô sắc mà quán sát về tướng của Sắc, là khéo léo quán sát.

Từ “Phổ nhãn...” trở xuống là kết luận thành tựu về nghĩa trên, nghĩa là Tín nhãn quán sát tất cả cảnh giới gọi là Phổ Nhãn, tận cùng pháp giới thuộc Như gọi là rõ ràng xuyên suốt, như vậy lia xa chướng ngại nhìn thấy Như, thì gọi là Tam-muội Nhất Hành thanh tịnh đầy đủ. Nhất Hành là Hành của một pháp giới.

Tiết hai là trình bày về Dụng bên ngoài: Bởi vì Thể ngay nơi Dụng trước đây, là dùng Giác của tâm không phân biệt phù hợp với cảnh chỉ riêng Như, mà tận cùng pháp giới bất động vốn là gốc của vắng lặng soi chiếu; có thể Dụng ngay nơi Thể mà Dụng không có gì không tận cùng, cũng nhờ vào Thắng giải trước đây duy trì phù hợp đối với cảnh, tùy theo tâm rời xa-dừng lại. Trong đó có ba tiết: 1- Trình bày về không rời khỏi mà hướng đến; 2- Từ “Thường niệm...” trở xuống là không nghĩ đến mà duy trì; 3- Từ “Thường kiến...” trở xuống là trình bày về không hướng đến mà nhìn thấy.

Trong tiết 3 có ba: a- Nêu lên. b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về số nhiều đã nhìn thấy, trong đó Tam thiên tức là thế giới của một Đức Phật, mà nói lặp lại vô lượng vô biên thế giới Phật (Phật sát vi trần số), là bởi vì dựa theo trong bản tiếng Phạn mất chữ Thập, thích hợp nói là thế giới của mười Đức Phật. c- Từ “Nhất nhất phương...” trở xuống là trình bày về sự việc riêng biệt đã nhìn thấy.

Mục bốn- Từ “Thiện nam tử, ngã duy...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, trong đó: 1- Khiêm tốn về nhận biết của mình, tức là kết luận về Tự phần. 2- Từ “Khởi năng liễu...” trở xuống là mở rộng Thắng tiến bởi vì nhận biết nhiều hơn, tức là tăng thêm Thắng tiến.

Mục 1- Khiêm tốn về nhận biết của mình: Cảnh giới của tất cả chư Phật, là kết luận về cảnh giới đã quán sát, không gian nối thông với mười Lực, thời gian bao quát ba đời, cho nên nói là tất cả, tức là Tam-muội Nhất Hành quán sát tất cả cảnh giới trước đây. Quán sát Pháp

thân của chư Phật mười phương, cũng nối thông với Báo-Hóa, đủ loại Sắc tướng bởi vì bao gồm vô số hình tướng.

Tiếp là ánh sáng của Trí tuệ, kết luận về chủ động quán sát, tức là ánh sáng của Trí chiếu rọi sáng ngời trước đây.

Tiếp là nhìn thấy tất cả pháp môn, tức là tổng quát thu nhận hai loại trước đây, để kết luận về tên gọi, tức là Phổ nhãn rõ ràng xuyên suốt trước đây.

Thiện hữu đầu tiên, trước phải trình bày về pháp môn Niệm Phật, là bởi vì pháp môn này dẫn trước các Hạnh. Vì vậy Trí Luận nói: “Bồ-tát dùng Bát-nhã Ba-la-mật làm mẹ, Tam-muội Bát-chu làm cha, bởi vì dựa vào Phật mới thành tựu các Hạnh thù thắng khác.” Lại trong Trú thứ nhất, bởi vì duyên vào Phật mà phát tâm, cho nên vui thích cúng dường.

Trong mục 2 là mở rộng Thắng tiến, có ba: a- Tổng quát; b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt; c- Từ “Nhi ngã...” trở xuống là kết luận.

Mục a- Tổng quát: Trí tuệ vô biên tức là các môn sau, và bởi vì Trí chủ động quán sát duyên với cảnh vô biên mà không nói được. Hạnh thanh tịnh, tức là tâm lìa xa chướng ngại ở các môn sau. Mà nói là môn, bởi vì tùy theo mỗi một môn đét tiến vào cảnh giới của Phật.

Trong mục b: là riêng biệt: Có hai mươi một môn, đều trước là nêu lên tên gọi, sau là giải thích về tướng, đều là từ nghiệp dụng mà có được tên gọi. Dựa theo bản kinh thời Tấn, mỗi một môn đều nói là môn Tam-muội Niệm Phật, nay lược bớt không có chữ Tam-muội, lý thật ra phải có.

Cổ đức phân định về mục này: Mười môn trước là đức thù thắng trọn vẹn đầy đủ của Niệm Phật, mười một môn sau là Diệu Dụng tự tại của Niệm Phật. Cũng là một lý. Dựa vào Thật để bàn luận tướng tận, mỗi một môn đều nghĩ đến Thể-Dụng vô ngại của Phật.

Lại các môn này, ngay nơi văn nêu lên và giải thích đã tự nhiên có thể hiểu rõ, tướng tận đến cùng ý nghĩa ấy thì lại hàm chứa nhiều. Nhưng Tam-muội Niệm Phật ấy, tổng quát về tướng là một, riêng biệt tức là ba Thân-mười Thân, tu-quán đều riêng biệt.

Tạm thời dựa vào ba Thân để giải thích, thì toàn bộ phân làm ba, nghĩa là nghĩ đến Pháp-Báo-Hóa, là quán sát đều riêng biệt. Ở trong ba Thân đều có Y-Chánh, thì làm thành sáu môn quán sát, nghĩa là nghĩ đến Thân-Độ thuộc về pháp tánh là Y-Chánh của Pháp thân; nghĩ đến thế giới Hoa Tạng... là Y báo của Báo thân, vô số hình tướng của

mười Thân là Chánh báo của Báo thân; nghĩ đến nước-chim-cây-rừng thuộc về Tịnh độ khác là Y báo của Hóa thân, ba mươi hai tướng tốt... là Chánh báo của Hóa thân.

Lại trong Chánh báo của Báo thân-Hóa thân đều phân làm hai, nghĩa là nghĩ đến công đức bên trong và tướng tốt bên ngoài, mười Lực-Vô úy đều là đức của Hóa thân, như phẩm Bát Tư Nghị Pháp là đức của Báo thân, ba mươi hai tướng đều là tướng tốt của Hóa thân, mười Liên Hoa Tạng đều là tướng tốt của Báo thân, thì làm thành tám môn.

Nhưng hai môn đầu của Pháp thân làm Thể của sáu môn sau, nếu Thể-Tướng vô ngại thì làm thành môn thứ chín, nếu dung thông với các môn trước thì làm thành một môn thuộc về Phật thừa, cho nên nhìn thấy Phật vô tận ở một nơi vi tế.

Trùng trùng như vậy làm thành cảnh giới như lưới giăng của Đế Thích (Đế vông), là tiến vào môn Tam-muội Niệm Phật của Phổ Hiền.

Nay hai mươi một môn này, tất cả là một môn sau mà tùy theo tướng khác nhau, cho nên có nhiều môn, cùng với mười môn trước đây có tách ra và hợp lại.

1- Môn ánh sáng của Trí soi chiếu tất cả, tức là bao gồm Y-Chánh của Pháp thân-Báo thân và Hóa thân, dùng môn này để làm tổng quát, bởi vì tất cả chư Phật nối thông với không gian-thời gian, nối thông với quốc độ của chư Phật, cho nên nói là thanh tịnh trang nghiêm đủ loại. Như kinh Quán Vô Lượng Thọ, trước phải quán sát mặt đất Lưu ly sáng ngời trong suốt, rừng đẹp đẽ-cây quý báu, và dấy lên quán sát Hoa Tạng, mỗi một cảnh giới trang nghiêm vô tận, quốc độ mà không có quốc độ mới là chân thật thanh tịnh...

2- Tức là quán sát thân thuộc về Sắc tướng, bởi vì khiến cho nhìn thấy được thanh tịnh. Nhưng ba chữ Niệm Phật Môn trong phần nêu lên tên gọi, đã là tên gọi chung, mà nói khiến cho tất cả chúng sinh, cho nên không biết khiến cho thực hiện sự việc gì. Dựa theo bản kinh thời Tấn, thích hợp nói là khiến cho tất cả chúng sinh xa lìa điên đảo, thì nghĩa của Niệm Phật Môn mới trọn vẹn đầy đủ.

3- Nghĩ đến đức bên trong.

4- Cũng là đức bên trong, bởi vì thuyết giảng truyền trao không có trái ngược, Bồ-tát thấy Phật vốn là đạt được pháp.

5- Bao gồm đức bên trong-tướng bên ngoài thuộc về Y-Chánh của ba Thân, bởi vì các Đức Như Lai ở mười phương cùng một Pháp thân, một Tâm-một Trí tuệ, Lực-Vô úy cũng như vậy, cho nên đều có thể tùy theo Thệ Nguyện của mình mà giáo hóa chúng sinh; còn lại đều có thể

suy nghĩ. Ngay môn này cũng là Tam-muội Nhất Hành, bởi vì tùy theo nghĩ đến một Đức Phật mà giống như tất cả chư Phật.

6- Tức là môn thứ chín quán sát về Sự-Lý vô ngại, dùng Lý dung thông với Sự, tùy theo một cảnh vi tế mà thấy nhiều thân thông, chỉ riêng cảnh thuộc về Trí nhân gọi là không thể nhìn thấy.

7-8 đều dựa theo thời gian, tất cả đều nối thông với các Thân-Độ, mà môn 7 dựa theo những Phật sự đã nghĩ đến không gián đoạn, môn 8 dựa theo thời gian có thể nghĩ đến không gián đoạn.

9- Cùng nghĩ đến Y-Chánh, cũng bao gồm Báo thân và Hóa thân.

10- Nghĩ đến ngay nơi Ứng mà Chân, bởi vì chư Phật quá khứ an trú mà không Niết-bàn, chư Phật vị lai cũng đã và đang thành tựu. Vì vậy kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Nay Phật an trú thế gian, thì tất cả chư Phật đều an trú, bởi vì cùng một pháp Bất tư nghị.” Lại dựa theo môn Tùy tướng, tức là muốn nghĩ đến Đức Phật nào, thì Đức Phật liền thị hiện cho thấy.

11- Cũng là Dụng ngay nơi Thế, bởi vì hiểu rõ tất cả đều là cảnh giới của Phật, cho nên từng cảnh giới của Phật hiện bày rõ ràng.

12- Nghĩ đến Ứng thân.

13- Cũng nghĩ đến Ứng thân, nhưng nhìn thấy Phật trong mười một cảnh trên đây, hoặc nói là chư Phật an trú ở trong cảnh. Nay nhận biết rõ ràng chư Phật không hề an trú, xa lìa Tưởng về thời gian, thì nhìn thấy một ngày mà đi trong từng ý niệm.

14- Nghĩ đến tướng tốt cả Báo thân như tai-mắt..., bởi vì đều rộng khắp pháp giới.

15- Trong môn nghĩ đến Dụng ngay nơi Thế, môn vi tế thứ sáu trước đây hiển bày trong Y báo có Chánh báo, môn này dựa theo trong Chánh báo có Y báo, cho nên không lẫn lộn với môn trước.

16- Niệm và kiếp vốn viên dung. Hai môn trên đều là Dụng ngay nơi Thế.

17- Nghĩ đến đức bên trong.

18- 19 đều nghĩ đến Sắc tướng.

20- Nghĩ đến Y báo.

21- Bao gồm tất cả các thân (Thân vân) thuộc về Chân-Ứng trong-ngoài..., như phẩm Xuất Hiện trước đây và các văn từ trên xuống dưới.

Nhưng trên đây dựa vào pháp đã nghĩ đến mà phân rõ khác nhau, làm thành mười môn ấy; nếu cùng với văn kinh tách ra-hợp lại thì làm môn không phải là một, môn thứ 21 là tóm lược trình bày mà thôi

Nếu dựa theo tâm có thể nghĩ đến thì không ra ngoài năm loại:

Một: Môn Niệm Phật duyên vào cảnh, nghĩ đến Chân-nghĩ đến Ứng, hoặc là Chánh báo hay là Y báo, bởi vì nếu như chỉ xưng danh hiệu thì cũng là cảnh, cho nên các môn trên phần nhiều là môn này.

Hai: Môn Niệm Phật thâm nhiếp cảnh chỉ do tâm, tức là hai môn 18-19, môn 18 tức là tướng tổng quát chỉ do tâm, bởi vì tâm này là Phật, tâm này làm Phật; môn 19 tuy tùy theo tâm mình, mà nghiệp của tâm có nhiều loại cho nên thấy Phật có hơn-kém.

Ba: Môn tâm cảnh cùng phai mờ, tức là môn Niệm Phật xa lìa trước đây, và một phần của môn không thể nhìn thấy, cùng với môn Như hư không.

Bốn: Môn tâm cảnh vô ngại, tức là như môn 1, cùng soi chiếu Sự-Lý, còn-mất vô ngại, cho nên nói là Phổ chiếu.

Năm: Môn trùng trùng vô tận, tức là phù hợp với môn thứ 10 trước đây mà quán sát. Như môn Vi tế..., cũng là ý tổng quát trong môn này.

Nếu dựa theo mười Thân thì đều dùng hai môn mà làm một Thân, một môn sau là tổng quát hiển bày, nghĩa là thân Nguyện, thân Trí, Pháp thân, thân Lực trì, thân Ý sinh, Hóa thân, thân Uy thế, thân Bồ-đề, thân Phước đức và thân Tướng hảo trang nghiêm. Bởi vì môn Niệm Phật, các Giáo đều có ca ngợi mà lý rất sâu xa, thế gian phần nhiều cùng thực hành, cho nên tóm lược giải thích, không có gì chán ngán vì nói nhiều.

Mục c là kết luận, có thể biết.

Mục năm- Từ “Thiện nam tử, Nam phương...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau, trong đó có hai: 1- Chính thức chỉ ra Thiện hữu; 2- Ca ngợi về đức thù thắng của Thiện hữu.

Mục 1- Chính thức chỉ ra Thiện hữu, tức là Thiện hữu thuộc về Trị Địa Trú (Trú thứ 2).

Đất nước tên gọi Hải Môn, bởi vì đất nước ấy chính là ở cửa biển phía Nam, biểu thị quán sát về biển tâm sâu rộng, vốn là môn đối trị của tâm địa.

Tỳ-kheo Hải Vân, quán sát biển làm pháp môn, dùng mắt nhìn khắp nơi, mây pháp che đầy thấm ướt tất cả, biểu thị cho sinh khởi mười loại tâm quán sát trong Trị Địa Trú, bởi vì vắng mây Bi sâu rộng.

Mục 2- Từ “Hải Vân Tỳ-kheo...” trở xuống là ca ngợi về đức thù thắng của Thiện hữu, trong đó có mười câu: Trước là một câu tổng quát ca ngợi. Sau từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chín câu, riêng biệt ca ngợi dựa vào lợi ích của đương cơ, mỗi câu có một nghĩa, tức là chỉ ra

trước-thuyết giảng sau: 1- Tức là nhìn thấy cảnh giới đạt được lợi ích; 2- Tức là nghe đến giáo hóa thuộc nhân vốn có; 3- Tức là khen ngợi về nơi phát tâm; 4- Tức là nghe đến nơi thọ trì ấy; 5-6 và 7 đều là pháp môn Phổ Nhân đã chứng; 8- Nghe đến Y-Chánh trang nghiêm; 9- Tức là hiển bày về tướng của phát tâm. Đến văn tự nhiên thấy rõ.

Mục sáu- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, sinh ra ý tưởng khó gặp cho nên lưu luyện, vui mừng gặp được vị Thiện hữu tiếp sau cho nên từ già.

Đoạn hai: Tỳ-kheo Hải Vân, Thiện hữu nương vào Trị Địa Trú, văn có đủ sáu mục.

Trong mục một-Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1- Y theo lời dạy Chánh niệm quán sát, đây là trình bày về ôn lại điều cũ; 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau, ý muốn biết được điều mới.

Lại trước tức là học hỏi mà có thể suy nghĩ, sau tức là suy nghĩ mà có thể học hỏi. Nhưng suy nghĩ trước hãy còn thuộc về văn trước, nghĩa là trước đến gần gũi Thiện hữu, tiếp đến lắng nghe Chánh pháp, nay phân rõ về Chánh niệm tư duy và như thuyết tu hành, tức là bốn nhân duyên gần của Niết-bàn. Nay dùng nghĩa trước thuộc về tiến lên hướng đến phía sau, nghĩa sau thuộc về chỉ ra đi đến phía trước, đan xen lẫn nhau để hiển bày chủ-bạn xen lẫn vào nhau, lại thuận theo Hội phân định thuộc về sau mà thôi, sau đều dựa theo đây.

Mục 1- Y theo lời dạy Chánh niệm quán sát, trong nghĩ đến pháp trước đây có mười một câu: Đầu là câu tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt đều nói là Chánh niệm quán sát, là bởi vì không chìm xuống-không nổi lên, vắng lặng soi chiếu cùng hiện hành. Trong mười câu: 1- Tức là quán sát cảnh giới tự tại trước đây; 2- Tức là tác dụng giải thoát trước đây; 3-Tức là Thể của Tam-muội Nhất Hành và các môn Tam-muội trong mở rộng Thắng tiến; 4- Nghĩ đến đủ loại chúng hội trước đây; 5- Tức là được thấy Phật trước đây; 6- Tức là mười phương trước đây; 7- Tức là Thọ mạng-Thần thông... trước đây; 8- Tức là quán sát tất cả chư Phật khắp nơi; 9- Tức là đủ loại thành tựu Chánh giác; 10- Tức là tùy theo tâm vui thích của đủ loại chúng sinh.

Mục 2: là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau, có thể biết.

Mục hai- Từ “Hương Hải Vân...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, trong đó có ba: 1- Chào hỏi cung kính. 2- Tự trình bày về phát tâm, có thể biết. 3- Từ “Nhĩ vị tri...” trở xuống là thưa hỏi về pháp quan trọng, trong đó nói Nguyễn Luân, là Nguyễn cùng tận ba đời

không có bắt đầu và cuối cùng, cho nên đối với sinh tử mà thiết lập tên gọi là Luân. Vẫn còn lại tự nhiên hiển bày.

Mục ba- Từ “Thời Hải Vân...” trở xuống là khen ngợi nêu ra pháp giới, trong đó có hai: 1- Khen ngợi pháp khí; 2- Chính thức trao cho pháp.

Trong mục 1- Khen ngợi pháp khí, có ba:

Mục a- Hỏi về nguồn gốc, bởi vì phát tâm là khó, nếu không phát tâm thì không có thể trao cho giáo pháp, bởi vì không phải là pháp khí.

Mục b- Từ “Thiện Tài...” trở xuống là trả lời, bởi vì không phải là hư vọng.

Mục c- Từ “Hải Vân ngôn: Thiện nam tử, nhược chư...” trở xuống là chính thức khen ngợi, trong đó có hai tiết: Một- Khen ngợi nhân duyên bởi vì khó đầy đủ, phát tâm là ít có; Hai- Từ “Phát Bồ-đề tâm giả...” trở xuống là hiển bày về tướng thù thắng của phát tâm, phát tâm là khó có được.

Tiết một- Khen ngợi nhân duyên: 1- Khen ngợi ngược lại; 2- Từ “Yếu đắc...” trở xuống là khen ngợi thuận theo. Thờ kính Thiện hữu là duyên, còn lại đều là nhân. Tất cả có mười câu: Đầu là câu tổng quát, tức là bởi vì vốn có gieo trồng thành tựu chủng tánh của pháp môn Phổ Hiền. Sau từ “Cụ chân...” trở xuống là riêng biệt: Bắt đầu đạt được ánh sáng của Trí thuộc về Tam-muội Chân Như, gọi là đầy đủ đạo chân thật, đây chính là hiểu rõ tâm vắng lặng soi chiếu mà sinh ra đức của Phật; còn lại có thể biết.

Trong tiết hai là hiển bày về tướng thù thắng của phát tâm, có mười một câu: Năm câu trước tức là tâm Đại Từ Bi, hai câu đầu là tổng quát, ba câu còn lại là riêng biệt. Bốn câu tiếp là tâm sâu xa tu tập thực hành Đại Nguyện tận cùng hư không pháp giới. Hai câu sau là tâm thắng thán không trái với pháp tánh mà chứng được Trí thuộc quả. Lại mười tâm này phần nhiều giống với mười tâm thuộc Tự phần của Trị Địa Trú, sợ rằng phức tạp cho nên không kết hợp.

Mục 2- Từ “Thiện nam tử, ngã trú...” trở xuống là chính thức trao cho pháp quan trọng, nghĩa là quán sát vô lượng pháp, nhìn thấy Phật được nghe pháp, tiếp theo Niệm Phật trước đây mà trình bày ở đây, là hiển bày về nghe pháp truyền bá rộng ra, thứ tự vốn là quan trọng, trong đó có hai: a- Trình bày về tu quán; b- Từ “Thiện nam tử, ngã tác thị...” trở xuống là quán sát thành tựu lợi ích.

Trong mục a-Trình bày về tu quán, có hai tiết: Một- Dựa vào sự

việc hiển bày để giải thích; Hai- Từ “Thiện nam tử, ngã tư duy...” trở xuống là cần phải quên hết giải thích để mong cầu ý nghĩa.

Tiết một- Dựa vào sự việc hiển bày để giải thích: Trước là tổng quát nêu lên, nói mười hai năm, là một Kỳ đã tròn, biểu thị đã tiến vào Trú thứ hai hơn mười ngàn kiếp, cũng biểu thị cho quán sát toàn bộ mười hai Trú-mười hai Nhập của Bồ-tát. Sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày đều nhờ vào sự việc biểu thị cho pháp, mười nghĩa về Trí vô lượng giải thích như phần Thập Địa, nay là Bi vô lượng.

Tiết hai là quên hết giải thích để mong cầu ý nghĩa, là nhân của chính mình được thấy Phật, có thể biết.

Trong mục b là quán sát thành tựu lợi ích, có hai tiết: Một- Trình bày về được thấy Phật; Hai- Được nghe giáo pháp.

Tiết một- Trình bày về được thấy Phật: Tức là nhìn thấy Y báo-Chánh báo vô ngại của pháp giới, trong đó: 1- Nhìn thấy Y báo; 2- Nhìn thấy Chánh báo.

Trong tiết 1- Nhìn thấy Y báo, có ba: a- Tổng quát nêu lên Thế-Tướng, bởi vì quán sát sâu vào tâm vô lượng-pháp vô lượng, thì đóa hoa Tâm-đóa hoa Hạnh tự nhiên nở tròn đẹp đẽ, mà tất cả tánh đức vô lậu đều đầy đủ. b- Từ “Bách vạn A-tu-la...” trở xuống là tướng bên ngoài làm trang nghiêm. c- Từ “Thử Đại liên hoa...” trở xuống là nêu ra nhân để hiển bày về thù thắng.

Tiết 2- Từ “Ngã thời kiến bỉ...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy Chánh báo, nghĩa là Tâm-Hạnh đã nở tròn thì Như Lai của Bốn giác tự nhiên hiện rõ, trong đó: a-Trình bày về Đức Tướng tròn vẹn đầy đủ; b-Từ “Hựu niệm...” trở xuống là Nhân tròn vẹn-Dụng rộng lớn, có thể biết.

Tiết hai- Từ “Thời thử Như Lai...” trở xuống là trình bày về được nghe giáo pháp. Sở dĩ thuyết giảng giữa biển, là biểu thị từ biển Bi-Trí mà tuôn chảy, trong đó có ba: 1- Dẫn thuyết; 2- Thọ trì; 3- Chuyển tiếp trao truyền.

Tiết 1- Dẫn thuyết: a-Tổng quát nêu lên, Phổ nhãn là giải thích về pháp rộng khắp, là giải thích tất cả các pháp; đạt được pháp này, là trong một pháp mà nhìn thấy tất cả các pháp. b-Từ “Khai thị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về pháp đã giải thích, có thể biết.

Tiết 2- Từ “Ngã tụng ư bỉ...” trở xuống là trình bày về thọ trì, trong đó có hai: a- Tổng quát hiển bày về nhiều pháp đã thọ trì, bởi vì đây là pháp môn vô tận, một-nhiều ngay trong nhau. b- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của thọ trì nhiều pháp,

trong đó có hai: Trước là nêu lên trải qua thời gian dài, một ngàn hai trăm năm là biểu thị cho nghĩa giống như mười hai năm; sau từ “U nhật nhật...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về có thể thọ trì và đã thọ trì.

Có mười loại Trì: Một loại đầu là Văn trì. Chín loại còn lại đều là Nghĩa trì. 2- Phù hợp với Trí vắng lặng vốn có, cho nên mới có thể tiến vào. 3- Ở trong một nghĩa xoay chuyển mà thành vô lượng nghĩa, cho nên có thể tiến vào tất cả. 4- Nghĩa của mỗi một Địa khác nhau, mà có thể phân biệt. 5- Uy lực là bởi vì thâm nhiếp tất cả ở trong tâm, nếu dựa theo pháp đã giải thích để trình bày về thâm nhiếp, thì dùng uy lực để thâm nhiếp các chúng sinh, giống như nói về Uy đức của Đà-la-ni trong Địa thứ chín. 6- Như hoa nở ra dẫn đến quả, nay khai phát về Giáo mà dẫn đến Quả; lại hoa nở ra thấy quả dùng làm trang nghiêm, nay khai phát về ngôn giáo mà thấy rõ ý nghĩa ấy. 7- Có thể biết. 8- Như bầu trời không có tướng mà bao hàm tất cả, hiển bày rõ ràng về Diệu lý mà nêu ra tướng của pháp. 9- Bởi vì ánh sáng của nhiều Trí tụ vào một pháp, thì nghĩa lý càng thêm rộng mở. 10- Như biển hàm chứa mười đức mà tất cả đều phân tích rõ ràng. Những người trì kinh nên dựa theo văn này!

Tiết 3- Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về chuyển tiếp trao truyền, có thể biết

Mục bốn- Từ “Thiện nam tử, ngã duy...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến. Khiêm tốn về mình là kết luận mục trước, mở rộng Thắng tiến là sinh khởi mục sau. Tôi chỉ có một biển thì lẽ nào có thể cùng năm thág với vị ấy hay sao?

Mục năm- Từ “Thiện nam tử, tùng thử...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Sáu mươi Do tuần, là tu tập sáu Độ, thực hành thanh tịnh sáu căn.

Làng xóm tên gọi Hải Ngạn, là đường đi đến núi Lăng Già, mà tiếp đến bờ Bắc của Nam Hải. Nhưng mà Lăng Già là tiếng Phạn, Trung Hoa nói là Nan Vãng. Lại hàm chứa bốn nghĩa: 1- Do tánh của đủ loại vật báu mà tạo thành, cho nên trang nghiêm rất vi diệu. 2- Bởi vì có ánh sáng lớn chiếu rọi che mờ mặt trời-mặt trăng. 3- Bởi vì cao vút rõ ràng rộng lớn bao la. 4- Nơi ở của những Già Vương, Đức Phật lại ở nơi này mở rộng giáo hóa chúng sinh, mà làm sự việc lợi ích thù thắng. Nhưng Thể chính là vật báu đầy đủ bốn nghĩa này, tên gọi Vô Thượng Bảo còn dùng âm tiếng Phạn. Núi này ở giữa biển, bốn phía không có lối vào, không phải là người đạt được thân thông thì không thể đi đến, cho nên nói là khó đến được. Bởi vì biểu thị cho Tu Hành Trú, tiến vào biển Trí

này bắt dứt bốn câu mà lia xa lộ trình phân biệt.

Tỳ-kheo Thiện Trú, là thân trú giữa hư không, bởi vì biểu thị cho trong Trú này, quán sát tất cả các pháp giống như hư không, không hề có nơi chốn.

Cũng là Tỳ-kheo, bởi vì tiến vào đạo chưa lâu, cho nên thích hợp dựa vào Tăng. Lại trước là nghĩ đến Phật, tiếp là nghe giáo pháp, nay là dựa vào Tăng, bởi vì tu theo Tam Bảo là nơi nương tựa rất tốt lành.

Mục sáu- Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già.

Đoạn ba: Tỳ-kheo Thiện Trú, Thiện hữu nương vào Tu Hành Trú, vẫn có đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai:

Mục 1- Nghĩ đến lời dạy của vị Thiện hữu trước đây, có mười câu: Một câu đầu là bao gồm nghĩ đến người và pháp chỉ dạy rõ ràng, ba câu tiếp là nghĩ đến sự việc nghe Phật thuyết pháp trước đây, ba câu tiếp là suy nghĩ về sự việc quán sát tiến vào biển, ba câu sau là quán sát tu tập thâm nhiếp giáo pháp, đối trị chướng ngại chứng đạt về lý.

Mục 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau, có thể biết.

Mục hai- Từ “Kiến thử Tỳ-kheo...” trở xuống là trình bày về gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, trong đó có ba: 1- Gặp gỡ; 2- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là cung kính; 3- Từ “Tác như thị ngôn...” trở xuống là thưa hỏi.

Trong mục 3- là thưa hỏi, có hai: a- Tự bày tỏ phát tâm; b- Từ “Nhi vị tri...” trở xuống là chính thức trình bày thưa hỏi.

Trong mục b- chính thức trình bày thưa hỏi, có hai mươi câu hỏi, văn phân làm ba tiết:

Tiết một- Mười câu đầu là tổng quát thưa hỏi, đối với pháp mà dấy khởi Hạnh. Nói về pháp Phật là bao gồm tất cả các pháp thực hành, trong đó: Tịnh trị là đối trị làm cho thanh tịnh, Thâm tịnh là phù hợp với Lý làm cho tất cả được thanh tịnh, còn lại có thể biết.

Tiết hai- Từ “Ngã văn...” trở xuống là kết thúc mục trước thưa thỉnh mục sau, bởi vì muốn hiển bày về thưa hỏi pháp sau khác với thưa hỏi pháp trước.

Tiết ba- Từ “Bồ-tát vân hà bất xả kiến Phật...” trở xuống, có mười câu riêng biệt thưa hỏi về Hạnh phát khởi Dụng thù thắng, mà những Hạnh trong mười câu khác nhau. Trong đó: Ba câu đầu trình bày về Hạnh không lia xa Tam Bảo, hai câu tiếp là Hạnh không rời bỏ Tự lợi-

Lợi tha, hai câu tiếp là Hạnh thâm nhiếp Y-Chánh của Phật, một câu tiếp là Hạnh về Bi-Trí không hề dừng lại, hai câu sau là Hạnh thâm nhiếp về pháp chứng thực tiến vào. Điều nói là không rời bỏ, bởi vì không có rời bỏ lia xa dù trong chốc lát.

Mục ba- Từ “Thời Thiện Trú...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, trong đó có hai: 1- Khen ngợi; 2- Trao cho pháp.

Trong mục 1 là khen ngợi: Pháp của Phật là tổng quát, Nhất thiết trí là pháp dựa theo Trí nhưng chỉ giới hạn về Quả, Trí tự nhiên là pháp dựa theo Tánh bao gồm Quả và Nhân.

Trong mục 2- Từ “Thiện nam tử, ngã dĩ...” trở xuống là trao cho pháp, có hai: a- Tổng quát nêu lên pháp đã đạt được; b- Từ “Nhược lai nhược khứ...” trở xuống là riêng biệt nêu ra tướng ấy.

Mục a- Tổng quát nêu lên pháp đã đạt được. Vô ngại có hai nghĩa: Một- Trí tuệ vô ngại đối với cảnh, bởi vì chứng được pháp giới không có gì chướng ngại; hai- Thân thông vô ngại đối với tác dụng, bởi vì chứng đạt bên trong.

Sở dĩ tiếp theo trước trình bày về pháp này, là bởi vì nghe pháp thọ trì, ý khiến cho không có gì chướng ngại đối với cảnh, hiển bày trong Trú này khéo léo quán sát về mười loại cảnh giới như chúng sinh...

Trong mục b- là riêng biệt nêu ra tướng ấy, có hai tiết:

Tiết một- Trình bày về tu tập đạt được pháp, bởi vì tất cả oai nghi thuận theo pháp tư duy tu tập, cho nên có thể đạt được. Nói hoàn toàn vô ngại, là bởi vì Sự hay Lý không có gì ngăn ngại.

Tiết hai- Từ “Đắc thử trí...” trở xuống là hiển bày về công dụng của pháp, trong đó có ba: 1- Tổng quát trình bày về Dụng vô ngại của Trí; 2- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là tổng quát về tướng đưa ra giải thích; 3- Từ “Thiện nam tử, ngã dĩ...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Dụng của Thân thông.

Tiết 1- Tổng quát trình bày về Dụng vô ngại của Trí, có mười hai câu: Một câu đầu là Tha tâm thông. Bốn câu tiếp là bao gồm ba Minh, nghĩa là sự việc trong kiếp hiện tại-vị lai vốn hàm chứa Lưu tận. Bốn câu tiếp là ba nghiệp giáo hóa chúng sinh. Hai câu tiếp là nhận biết về thời gian: Một-Nhận biết về thời gian; hai-Nhận biết về lưu chuyển. Dựa theo luận Câu Xá: “Thời gian ngắn nhất gọi là một Sát-na; một trăm hai mươi Sát-na gọi là một Đát Sát-na; sáu mươi Đát Sát-na gọi là một Lạp-phước, Lạp-phước tức là La-bà; ba mươi La-bà gọi là một Mâu-hô-lật-đa, Mâu-hô-lật-đa tức là Tu-du; ba mươi Tu-du gọi là một ngày một đêm.” Nói về Thời Phần, Tây Vực Ký quyển thứ 2 nói: “Năm

Mâu-hô-lật-đa là một Thời, sáu Thời hợp lại thành một ngày một đêm.” Cũng có nơi nói: “Thời gian thuộc về bắt đầu ngày đêm..., lại phần thuộc về tối-phần thuộc về sáng, sáu thời-bốn thời...” Lại dựa theo kinh Nhân Vương: “Chín trăm sinh diệt là một Sát-na, chín mươi Sát-na là một Niệm.” Vậy thì Sát-na không phải là thời gian ngắn nhất, bởi vì sinh diệt trong Sát-na chỉ có Trí Phật mới biết được, trong Tiểu thừa lược bớt mà không nói đến. Một câu sau tức là Thần túc thông.

Tiết 2- là tổng quát về tướng đưa ra giải thích, bởi vì không dừng lại-không dấy lên, cho nên vô ngại.

Tiết 3- là riêng biệt trình bày về Dụng của Thần túc thông, phần nhiều hiển bày về mười tám tướng biến hóa của Thần túc thông, tạm thời phân làm ba: a-Từ nơi không có mà biến hiện thành có; b-Từ “Hoặc nhất niệm...” trở xuống là cúng dường khắp nơi mười phương; c-Từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là hiện rõ hình tướng làm lợi ích cho chúng sinh. Đều có thể biết.

Nói về mười tám biến hóa: 1- Đi đứng ở giữa hư không..., tức là những việc làm tự tại. 2- Hoặc là ẩn kín. 3- Hoặc là hiển hiện. 4- Hoặc là hiện rõ một thân, tức là tụ vào. 5- Hoặc là hiện rõ nhiều thân, tức là tản ra. 6- Từ “Xuyên độ...” trở xuống là thường xuyên qua lại. 7- Từ “Nhập địa...” trở xuống là chuyển đổi biến hiện. 8- Từ “Biến thân...” trở xuống là hừng hực bốc lên. 9- Từ “Hoặc thời...” trở xuống là làm cho chấn động. 10- Từ “Hoặc thời dĩ thủ...” trở xuống tức là những cảnh tượng thu vào thân, bởi vì cao lớn. 11- Từ “Hoặc hiện thiêu...” trở xuống là phát ra ánh sáng lớn, thấy đều rộng lớn bao trùm mười phương, thành tựu ánh sáng phía trên, dấy lên đầy khắp phía dưới. 12- Từ “Hoặc nhất niệm...” trở xuống là đầy khắp mọi nơi. 13- Từ “Nhất nhất Phật...” trở xuống là hiển hiện rõ ràng. 14- Từ “Nhất nhất Như Lai sở hữu tuyên thuyết...” trở xuống là bố thí làm cho người khác Biện tài, bởi vì có thể thọ trì. 15- Từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là bố thí làm cho người khác yên vui, bởi vì Bồ-đề là niềm vui chân thật. 16- Từ “Bỉ chư thế giới...” trở xuống là những nơi đã đến cùng chung chủng loại. 17- Từ “Nhược hữu chúng sinh thân cận...” trở xuống là bố thí làm cho người vừa ý. 18- Bởi vì đầy đủ toàn bộ lực của Thần túc thông Vô tác, cho nên có thể khắc chế Thần túc thông của người khác. Trong ba mục đã đầy đủ rồi.

Mục bốn- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, trong đó có hai:

Mục 1- Khiêm tốn về mình. Nhận biết mỗi một niệm đi đến khắp nơi, cho nên nói là nhanh chóng; hiện rõ hình tướng làm lợi ích cho

chúng sinh là thành tựu chúng sinh.

Mục 2- Từ “Như chư Bồ-tát...” trở xuống là ngưỡng mộ mở rộng Thắng tiến, mà đều trình bày về Giới, là ý hiển bày về đạt được giải thoát vô ngại trước đây, đều do trì Giới biệt giải thoát, làm nơi nương tựa, bởi vì không phải là Giới thì không thể nào tu tập đối trị về tâm. Có hai mươi câu phân ba mục:

Mục a- Mười một câu đầu trình bày về đầy đủ Giới đức thù thắng: 1- Bởi vì chủ yếu làm lợi ích chúng sinh. 2- Bởi vì Tự hành thù thắng. 3- Bởi vì đầy đủ Tự lợi và Lợi tha. 4- Bởi vì Đạo cộng giới. 5- Bởi vì không có gì có thể khiến cho không trì Giới. 6- Bởi vì Định cộng giới. 7- Bởi vì không mất căn bản của Hạnh. 8- Bởi vì thuận với pháp không bài bác, kinh Tỳ Lô Giá Na quyển thứ 6 nói: “Có bốn tội căn bản, cho đến nuôi sống thân mạng, nghĩa là: 1- Bài bác giáo pháp; 2- Rời bỏ tâm Bồ-đề; 3- Keo kiệt tiếc lẫn; 4- Làm não hại chúng sinh.” Nay câu 7-8 ở đây không phạm vào hai tội đầu, không có tổn hại-không có hỗn loạn không phạm vào hai tội sau. 9- Bởi vì duyên với Trí thuộc về quả. 10- Bởi vì xứng với pháp tánh. 11- Bởi vì Bát-nhã tương ứng cho nên không trú vào ba cõi.

Mục b- Sáu câu tiếp trình bày về Giới lìa xa lỗi lầm: 1- Không có lỗi lầm, nghĩa là không tự ngạo mạn nói mình có thể trì Giới, bởi vì thấy người phá giới cũng không khinh thường, khiến cho họ phải xấu hổ. 2- Không làm não hại, nghĩa là không dựa vào giới mà học những chú thuật làm hại chúng sinh. 3- Không có thiếu sót vi phạm, nghĩa là bởi vì thọ trì đầy đủ mười nghiệp đạo thiện và các oai nghi. 4- Không có tạp uế, bởi vì không đắm theo Biên kiến. 5- Không có tham lam keo kiệt làm cho hỗn loạn, bởi vì làm sáng tỏ có đức cho nên không hiện tướng khác lạ. 6- Không có hối hận, nghĩa là bởi vì không gây ra tội nặng, không làm điều đối gạt.

Mục c- Ba câu sau hiển bày về Giới thanh tịnh: 1- Quên hết chủ động Trì-thụ động Trì mà hoàn toàn thanh tịnh. 2- Bởi vì không nhiễm theo sáu Trần. 3- Bởi vì không có tâm cấu uế.

Mục năm- Từ “Thiện nam tử, từng thử...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau, tức là Thiện hữu ở phần vị Sinh Quý Trú.

Đất nước tên gọi Đạt-ly Tỷ-trà, Trung Hoa nói là Tiêu Dung, nghĩa là sinh ra từ Thánh giáo mà trừ hết hiểu biết sai lầm.

Kinh thành tên gọi Tự Tại, bởi vì nhận biết rõ ràng tu tập đạt được viên mãn đối với pháp của chư Phật ba đời.

Nói có người, bản kinh thời Tấn nói: “Ở đó có vị Lương y tên gọi

Di-già, Trung Hoa phiên âm là Vân, diễn giải lần lượt về Tự môn mà hàm chứa mưa pháp tưới thấm, bởi vì dùng Thánh giáo của chư Phật ba đời làm mây pháp tưới mưa làm lợi ích cho tất cả.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 63 trong kinh).

Đoạn bốn: Lương y Di-già, Thiện hữu nương vào Sinh Quý Trú, vẫn có đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1- Nghĩ đến lời dạy của vị Thiện hữu trước đây, vẫn có mười câu: Câu đầu là tổng quát, tức là pháp môn đã đạt được trước đây; từ “Thâm tín dĩ...” trở xuống là riêng biệt khởi lên quán sát tu tập, vẫn hiển bày có thể biết. 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau.

Trong mục hai- Từ “Nãi kiến kỳ nhân...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Gặp gỡ; 2- Cung kính chào hỏi; 3- Từ “Nhi tác...” trở xuống là thưa hỏi.

Trong mục 3 là thưa hỏi, có hai: a- Tự bày tỏ phát tâm; b- Từ “Nhi ngã...” trở xuống là chính thức thưa hỏi, có mười hai câu: Hai câu đầu là tổng quát, mười câu còn lại là riêng biệt, giải thích bao gồm chiều ngang và chiều dọc. Giải thích theo chiều ngang, có thể biết. Chiều dọc phối hợp với Thập Địa: 1- Bởi vì chứng được phát tâm cho nên không lui sụt. 2- Bởi vì không sai phạm. 3- Bởi vì đạt được Thiên định. 4- Bởi vì Tinh tiến. 5- Bởi vì tiến vào Tục cần phải có Tổng trì. 6- Bởi vì Bát-nhã hiện rõ trước mắt. 7- Quyền và Thật cùng hiện hành là nghĩa rất sâu xa, bởi vì đạt được Địa của Trí tuệ quán sát, cho nên đầy đủ Biện tài. 8- Công dụng không phân biệt mới là Chánh niệm. 9- Bởi vì Lực tăng thượng. 10- Bởi vì Trí tăng thượng.

Trong mục ba- Từ “Nhĩ thời Di-già...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, có hai: 1- Khen ngợi về pháp khí; 2- Trao cho pháp môn của mình.

Trong mục 1- Khen ngợi về pháp khí, có hai: a- Thấm định rõ ràng; b- Từ “Di-già cự tức...” trở xuống là tôn kính khen ngợi.

Trong mục b là tôn kính khen ngợi, có hai tiết: Một- Tôn kính; hai- Từ “Nhiên hậu khởi lập...” trở xuống là khen ngợi.

Tiết một- Tôn kính: Sở dĩ Thầy lễ kính học trò, bởi vì tâm Bồ-đề là nhân của Phật, mà có thể mở rộng sinh ra các công đức. Vì vậy luận Pháp Giới Vô Sai Biệt nói: “Lễ lạy cung kính tâm Bồ-đề, như người lễ lạy vàng trắng bắt đầu thuộc về phần sáng chứ không lễ lạy vàng trắng

tròn, bởi vì ít khi hiện rõ, vắng trắng tròn vốn bắt đầu từ đây.”

Vả lại, phát tâm và cuối cùng thành tựu là hai tâm không sai khác. Hai tâm như vậy, tâm trước là khó, vì thế cho nên tôi lễ kính người mới phát tâm. Huống hồ chưa thuyết pháp, chưa nhất định là Thầy. Sau khi trao cho pháp của mình, mới bước lên pháp tòa của mình, không trái với pháp tôn trọng. Các vị Tri thức trước đây mà không như vậy, là bởi vì Tăng cung kính Tục vốn là điều không thích hợp.

Trong tiết hai- là khen ngợi, có hai: 1-Khen ngợi phát tâm; 2-Từ “Thiện nam tử, ứng tri Bồ-tát...” trở xuống là khen ngợi về mong cầu Thiện hữu.

Trong tiết 1- Khen ngợi phát tâm, có hai: a- Tổng quát khen ngợi; b- Từ “Thiện nam tử, nhược hữu...” trở xuống là riêng biệt khen ngợi.

Trong tiết b là riêng biệt khen ngợi, có ba: Đầu có mười câu nhờ vào đức sâu rộng, đức này cuối cùng thành tựu thì công thuộc về phát tâm ban đầu, mà ông có thể phát tâm thì gọi là đặc biệt hiếm có. Tướng ấy phần nhiều giống như phẩm Sơ Phát Tâm, trong này cũng đầy đủ tâm Bi-thẳng thắn và sâu xa, có thể dùng ý hiểu được. Tiếp từ “Tắc vi nhất thiết...” trở xuống là mười vị vua cung kính bảo vệ. Sau từ “Tắc linh nhất thiết chúng sinh giới...” trở xuống là bên ngoài làm lợi ích chúng sinh.

Trong tiết 2 là khen ngợi về mong cầu Thiện hữu, bởi vì Bồ-tát khó gặp mà có thể mong cầu-có thể gặp, cho nên biết Thiện Tài là pháp khí sâu sắc, cũng dạy bảo trước về tâm mong cầu Thiện hữu, ở nơi giải thoát trải qua mười hai năm, không sinh lòng mệt mỏi chán nản. Trong đó có hai: a-Tổng quát khen ngợi về căn cơ thích hợp khó có được; b-Từ “Bồ-tát vị...” trở xuống là riêng biệt ca ngợi Thiện hữu.

Trong tiết b có hai: Trước là Pháp, sau là Dụ. Có mười ba Dụ: Đầu là hai Dụ về nương tựa; tiếp là bốn Dụ về cứu giúp; tiếp là một Dụ về vua làm nơi nương tựa; những Dụ còn lại là cứu giúp che chở.

Trong mục 2- Từ “Di-già như thị tán thán...” trở xuống là trao cho pháp môn của mình có hai: a-Hiện bày thân thông làm lợi ích chúng sinh, khiến cho Thiện Tài tận mắt nhìn thấy; b-Từ “Di-già ư thị hoàn thăng...” trở xuống là bước lên pháp tòa thuyết giảng trao truyền khiến cho Thiện Tài lắng nghe.

Mục a- Hiện bày thân thông. Nói về Luân tự phẩm trang nghiêm pháp môn, Hiền Thủ dẫn ra Tam tạng Nhật Chiếu giải thích rằng: “Luân có nhiều nghĩa: 1- Dựa theo tướng của chữ, trong kinh Lăng Già nói: “Tự Luân(vòng tròn của chữ) viên mãn giống như dấu chân

voi...” 2- Dựa theo pháp đã giải thích, tất cả các lý tròn vẹn đầy đủ như vòng tròn đầy đủ. 3- Dựa theo Dụng, nghĩa là Diệu Âm Đà-la-ni có nghĩa về chuyển tiếp truyền trao, nghĩa về diệt trừ phiền não, như Pháp luân..., tức là giáo pháp theo vòng tròn của chữ giải thích rõ ràng trang nghiêm.”

Cách giải thích này đã thích hợp. Nay lại dựa vào kinh Tỳ Lô Giá Na quyển thứ 5, có riêng phẩm Tự Luân, kinh ấy nói rằng: “Pháp môn này có khắp tất cả mọi nơi, nghĩa là Bồ-tát nếu trú vào pháp môn Tự Luân này, thì tâm Bồ-đề vi diệu bắt đầu từ lúc mới phát ra, cho đến lúc thành Phật, ở trong thời gian đó, vốn có tất cả các loại sự nghiệp Tự lợi-Lợi tha, đều được thành tựu. Như vậy bắt đầu chữ A, tức là tâm Bồ-đề. Nếu quán sát mà tương ứng với chữ này, thì giống như Thể của Pháp thân Tỳ-lô Giá-na, nghĩa là vòng tròn của chữ A này, giống như vòng tròn của đuôi chim Khổng Tước, ánh sáng bao bọc xung quanh mà người thực hành an trú trong đó, tức là trú vào phần vị của Phật. Lại ba chữ A Sa Phược tổng quát thân nhiếp ba Bộ, chữ A thuộc về Như Lai Bộ, chữ Sa thuộc về Liên Hoa Bộ, chữ Phược thuộc về Kim Cang Bộ. Tùy theo trong một Bộ đều có năm chữ, đó gọi là Tự Luân, từ vòng tròn này chuyển tiếp mà sinh ra vòng tròn của các chữ, là nghĩa về Sinh. Như từ chữ A là Bồ-đề đã chuyển tiếp sinh ra bốn chữ, nghĩa là: 1- Chữ A là vòng tròn của Tu hành, đã phát tâm rồi thì nhất định phải tu tập các Hạnh. 2- Chữ Ám là vòng tròn của Thành tựu Bồ-đề, đã tu hành rồi thì nhất định phải chứng được Bồ-đề. 3- Chữ Ố là vòng tròn của Đại tịch diệt Niết-bàn, tức là đã đến Bồ-đề. 4- Chữ Ác là vòng tròn của Phương tiện. Mà chữ A ngay chính giữa, bốn chữ vây tròn xung quanh chữ A, từ phía dưới theo thứ tự xoay về phải tay phải cũng như tướng vòng tròn, nêu ra một chữ làm ví dụ, chữ còn lại dựa theo như vậy. Nếu người thực hành thông hiểu rõ ràng như vậy, thì có thể tiến vào môn Đà-la-ni, xoay chuyển vô ngại cho nên gọi là Tự Luân Phẩm, phần vị trọn vẹn phân bố đủ loại cho nên gọi là Trang nghiêm.” Còn lại như kinh ấy giải thích.

Từ “Kỳ tự...” trở xuống là nghĩa về sâu xa, đến trong phần vị Thiện hữu Chúng Nghiê sẽ mở rộng phân biệt. Sở dĩ tiếp theo trước mà phân rõ về phần vị này, bởi vì Giải thoát vô ngại trước đây tức là ánh sáng của Trí thuộc về Vô tướng, nay sắp tiến vào Tục bao gồm giữ lại có-không có, nương vào chữ để biểu hiện ý nghĩa. Lại bởi vì Tổng trì khiến cho không mất đi, đã là người chữa bệnh thì cũng dùng Tự Luân để làm tiêu trừ khắc chế chướng ngại, sinh ra trong Thánh giáo cho nên thích hợp duy trì về chữ.

Mục b là bước lên pháp tòa thuyết giảng trao truyền: Diệu âm Đà-la-ni là nêu lên tên gọi, từ “Năng phân biệt...” trở xuống là hiển bày về Dụng. Duy trì Diệu âm này tức là pháp môn Luân Tự trước đây, nhưng Tự chính là bốn mươi hai chữ, Âm chính là mười bốn âm, nghĩa là Ai-A-Úc-Y..., dùng mười bốn âm hòa vào tất cả các chữ, mà sinh ra chữ vô tận. Nếu tuyệt diệu tận cùng đối với Âm, thì khéo léo nói về vạn loại, cuối cùng luận về Thanh Minh mà thôi. Hai nơi cùng đưa ra, lý thật thì tác thành lẫn nhau.

Trong mục bốn- Từ “Thiện nam tử, ngã duy...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có hai: 1- Khiêm tốn về mình là kết thúc phần trước, nói Quang minh là bởi vì Trí xét kỹ Diệu âm; 2- Từ “Như chư...” trở xuống là ngưỡng mộ mở rộng Thắng tiến.

Riêng biệt có mười bốn câu: Bốn câu đầu có thể biết. 5- Giải thích bởi vì sâu xa bí mật. 6- Thuyết giảng mà không sót lại gì. 7- Bởi vì pháp dung thông với thời gian và pháp. 8- Bởi vì thù thắng. 9- Bởi vì thù thắng trong thù thắng. Ba câu 10-11 và 12 có thể biết. Hai câu 13-14 tức là pháp đã đạt được trước đây, mà nói phạm vi (Tế) là bởi vì tận cùng Lý của tất cả các Tánh.

Mục năm- Từ “Thiện nam tử, tòng thử...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Trú Lâm là Phương Tiện Cụ Túc Trú, bởi vì kiến lập các đức. Tuổi tác cao-công đức nhiều, việc làm lớn hơn mọi người, cho nên xưng là Trưởng giả. Ở trong thân ấy hiện rõ vô biên cảnh Phật, Định và Dụng tự tại cho nên gọi là Giải Thoát. Biểu thị cho thiện căn đã tu tập của phần vị Trú này, đều bởi vì độ thoát tất cả chúng sinh, mà còn khiến cho chứng được Đại Niết-bàn.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn năm: Trưởng giả Giải Thoát, Thiện hữu nương vào Cụ Túc Phương Tiện Trú, vẫn có đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai:

Mục 1- Suy nghĩ nhớ đến lời dạy của vị Thiện hữu trước đây, trong đó cũng có hai: a-Mười một câu suy nghĩ tu tập về pháp trước đây, câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt; b-Từ “Thệ nguyện kiên cố...” trở xuống là hiển bày về lợi ích của tu tập.

Mục 2- Từ “Tiệm thử...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau: Mười hai năm, xưa nói là Tự phần và Thắng tiến, tất cả đều tu tập về sáu Độ. Bởi vì cũng hiển bày quán sát tất cả mười hai Trú, cũng biểu thị không trú vào mười hai duyên, cho nên nói là thường

xuyên thực hành qua lại (Du hành). Bởi vì nếu không trú vào duyên thì được giải thoát, cho nên văn sau nói là được thấy.

Trong mục hai- Từ “Ký đặc kiến dĩ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba mục:

Mục 1- Trình bày về gặp gỡ cung kính, mà tự mừng cho mình, là bởi vì mong mỗi nhiều năm.

Trong mục 2- Từ “Thánh giả, ngã dĩ...” trở xuống là tự bày tỏ phát tâm: a- Tổng quát; b- Từ “Vị dục...” trở xuống là riêng biệt trình bày về tướng của phát tâm.

Trong mục b có ba tiết: Một-Mong muốn hưởng lên trên tận cùng cảnh giới của Phật; Hai- Từ “Vị dục văn nhất thiết...” trở xuống là mong muốn đạt đến tận cùng nguồn cội của pháp; Ba- Từ “Vị dục dữ nhất thiết...” trở xuống là mong muốn thực hành đầy đủ hạnh Bồ-tát, cũng là cảnh giới của Tăng Bảo. Văn đều có th biết.

Mục 3- Từ “Thánh giả, ngã kim...” trở xuống là chính thức thưa hỏi, trong đó cũng có ba: a- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, nghĩa là kết thúc về tướng của phát tâm trước đây, chính là làm đầu mối của sự thưa hỏi, cho nên nói là dùng tâm như vậy mà đến nơi Thánh giả. b- Từ “Ngã văn Thánh giả...” trở xuống là ca ngợi về năng lực dạy dỗ dẫn dắt. c- Từ “Duy nguyện Thánh giả...” trở xuống là thưa thỉnh thuyết giảng về những điều nghi ngờ.

Mục ba- Từ “Thời Giải Thoát...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, phân hai: 1- Tiến vào Định im lặng chỉ ra; 2- Rời khỏi Định mở lời giải đáp.

Trong mục 1- Tiến vào Định im lặng chỉ ra: Sở dĩ trong này tiến vào Định chỉ ra, là bởi vì cũng hiển bày về Định tăng thượng ở phần vị này. Trong văn có ba mục:

Mục a- Làm sáng tỏ về nhân duyên tiến vào Định, thiện của đời trước làm nhân, bởi vì biểu thị cho tự mình tu tập. Hai mục sau làm duyên chính, uy lực của Phật bởi vì biểu thị cho Bốn giác, Niệm lực của Văn Thù bởi vì hiển bày về Tín-Trí, đã làm sáng tỏ Văn Thù vốn là nhân của Thiện Tài.

Mục b- Từ “Tức nhập...” trở xuống là nêu ra tên gọi và Thể của Định, nghĩa là thâm nhiếp tất cả các quốc độ ở trong thân mình, bởi vì Trí của Duy Tâm xứng với Tánh thuộc về Tổng Trì, khiến cho giống như Thể-Dụng xoay chuyển vô ngại, cho nên dùng làm tên gọi.

Mục c- Từ “Nhập thử Tam-muội...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng của Định, tức là nghĩa về thâm nhiếp tất cả..., trong đó có ba:

Một-Tổng quát trình bày về thân nhiếp tất cả; hai-Từ “Chủng chủng hình...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về rộng nhiều; ba-Từ “Bỉ chư Như Lai sở hữu ngôn...” trở xuống là khiến cho Thiện Tài nghe-thấy.

Mục 2- Từ “Nhĩ thời Giải Thoát...” trở xuống là rời khỏi Định mở lời nói cho biết, trong đó có bốn mục:

Mục a- Trình bày về rời khỏi Định.

Mục b- Từ “Cáo Thiện Tài...” trở xuống là chỉ ra tên gọi và Thể của Định. Tên gọi Như Lai Vô Ngại Trang Nghiêm, tổng quát có năm nghĩa: 1- Tất cả các Đức Như Lai đều đầy đủ tất cả trang nghiêm vô ngại. 2- Mỗi một Đức Như Lai có khắp lẫn nhau vô ngại. 3- Tất cả các sự trang nghiêm của các Đức Như Lai đều hòa vào thân của Trưởng giả. 4- Trưởng giả nhìn thấy xuyên suốt vô lượng cõi Phật mười phương. 5- Trí của Trưởng giả duy trì không cho là ngăn ngại, vì vậy nói Vô ngại bao gồm đạt được trở lại duy trì, không trái với phần Tựa mà người kết tập kinh pháp đã trình bày trong văn trước đây.

Mục c- Từ “Thiện nam tử, ngã nhập xuất...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng của Định.

Mục d- Từ “Thiện nam tử, ngã kiến như thị...” trở xuống là làm sáng tỏ về Thể-Tướng của Định, tức là không có đến-đi, bởi vì quán sát chỉ do tâm. Sở dĩ tiếp theo trước hiển bày về Định này, bởi vì quán sát chỉ do tâm cũng là pháp quan trọng, cũng hiển bày về phần vị này nhận biết vô lượng vô biên Chúng sinh giới, đều do tâm mà hiện ra. Trong đó có hai tiết:

Tiết một- Kết luận về Thể không có đến-đi đã nhìn thấy trước đây.

Tiết hai- Từ “Ngã nhược dục kiến...” trở xuống là mở rộng hiển bày về tùy tâm nhìn thấy Thể-Tướng của Phật, trong đó có bốn: 1- Trình bày về tùy tâm nghĩ đến Phật thì chư Phật hiện rõ trước mắt. 2- Từ “Nhiên bỉ Như Lai...” trở xuống là chính thức hiển bày quán sát về Thể, nghĩ đến Phật chỉ do tâm. 3- Từ “Thiện nam tử, đương tri...” trở xuống là bởi vì quán sát chỉ do tâm mà bao gồm tất cả vạn pháp. 4- Từ “Thị cố Thiện nam tử...” trở xuống là kết luận khuyến khích tu học khiến cho chứng đạt chỉ do tâm.

Trong tiết 1, đã hiểu rõ về cảnh chỉ do tâm, hiểu rõ tâm chính là Phật, cho nên tùy theo pháp đã nghĩ đến, không có gì không phải là Phật, đâu khó gì nhìn thấy?

Trong tiết 2, quán sát về Thể: a- Tổng quát trình bày về tướng không có đến-đi; b- Từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là giải thích về

nguyên cố, sở dĩ trước đây nói nhìn thấy tất cả chư Phật lại không có đến-đi, vì sao như vậy? Bởi vì hiểu rõ tướng ấy hư rỗng, chỉ do tâm mà hiện rõ.

Trong tiết b có hai: Trước là riêng biệt hiển bày, sau là kết luận thành tựu.

Trong tiết trước là riêng biệt, vẫn có bốn cặp, ý hàm chứa tổng quát và riêng biệt, nghĩa là tổng quát hiển bày chỉ do tâm, dụ cho không có đến-đi; riêng biệt dụ cho chỉ do tâm, bao gồm trình bày về không tiến vào-rời ra...

Một: Như giấc mộng làm một cặp, kinh Bát Chu Tam Muội nói: “Như trong mộng nhìn thấy bảy báu và thân thuộc vui mừng hớn hở, tỉnh giấc rồi nhớ lại không biết ở nơi nào; nghĩ đến Phật cũng như vậy.” Đây là dụ về chỉ do tâm mà dấy lên, ngay nơi có mà trống rỗng, cho nên không có đến-đi. Lại nói: “Như nước Xá-vệ có người nữ xinh đẹp, tên gọi Tu Môn, nghe đến Tâm Hỷ, đêm mộng thấy đi theo hầu hạ, tỉnh giấc rồi nhớ lại, người ấy không đến, mình không đi mà hầu hạ vui vẻ rõ ràng nhìn thấy; nghĩ đến Phật là như vậy.” Đây chính là dụ cho Thể không có đến-đi, chỉ tùy tâm biến hiện.

Hai: Nước và bóng ảnh làm một cặp, như vầng trăng tròn giữa bầu trời mùa Thu tùy theo nước mà hiện bày. Đầm lầy trong sáng ngời, thì bóng ảnh vầng trăng tròn đầy sáng tỏ. Nước đục sóng trào thì ánh sáng mờ nhạt, bóng ảnh tan mất. Có nước thì vầng trăng hiện bày, đâu từng có tiến vào hiện ra. Không có nước thì bóng ảnh trống rỗng, chưa hề rời ra mất đi. Tuy nhìn thấy vầng trăng trong nước, nhưng ai có thể nắm được vầng trăng? Tâm yên định hay tán loạn, dựa theo dụ suy nghĩ chọn lấy.

Ba: Như huyễn ảo làm một cặp, như huyễn ảo không phải là chân thật thì Tâm-Phật đều mất, mà không thể không có tướng huyễn ảo thì không hủy hoại Tâm-Phật, chính là dụ cho Không-Hữu vô ngại, bởi vì ngay nơi không có đến-đi mà có thể nhìn thấy tất cả, nhìn thấy ngay nơi không có nhìn thấy mà thường phù hợp với Trung đạo.

Bốn: Như tiếng vang làm một cặp, dùng tâm làm duyên mà Phật là tiếng vang đáp lại, Phật không có phân biệt; dùng Phật làm duyên mà tâm nhìn thấy Phật, tâm nào có đến-đi. Đây là chỉ tổng quát dụ về nghĩa của duyên thành tựu.

Trong tiết sau là kết luận thành tựu, bởi vì chỉ do tâm.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rằng: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, vô lượng chư Phật Chánh Biến Tri sinh ra từ tâm tướng.”

Kinh Bát Chu Tam Muội kết luận rằng: “Tự nghĩ rằng Phật từ đâu mà đến, mình cũng không có nơi đến, mình đã nghĩ đến liền nhìn thấy, tâm làm Phật của tâm, tự nhìn thấy tâm là Phật của tâm, là tâm mình nhìn thấy Phật.”

Trên đây còn thấu nhiếp cảnh đưa về tâm. Sau lại lướt qua nói rằng: “Tâm không tự nhận biết tâm, tâm không tự nhìn thấy tâm, tâm có Tướng là si mê, không có Tướng tức là Nê-hoàn, pháp này không thể nào chỉ ra, đều do nghĩ đến việc đã làm, giả sử có nghĩ đến thì cũng hoàn toàn trống rỗng không hề có gì.” Đây tức là ý trong dụ đã đầy đủ rồi.

Tiết 3: Là tâm bao gồm vạn pháp, nghĩa là không những một niệm nghĩ đến Phật, mà quán sát dựa vào tự tâm, vạn hạnh của Bồ-tát, Thể-Dụng của quả Phật, cũng không lìa xa tâm. Như có kệ nói rằng:

*“Chư Phật thuận theo tâm đạt được giải thoát,
Tâm ấy vô lậu mà gọi là thanh tịnh,
Năm đường tươi sáng không nhận lấy sắc tướng,
Có xứng với điều này thì thành Đại đạo.”*

Trong tiết 4: Là kết luận khuyến khích tu học: Vạn pháp đã không lìa xa tự tâm, chỉ tu tập tự tâm thì thực hành vạn pháp đầy đủ, cũng loại bỏ sai lầm về hiểu biết hư vọng của người ngu, nghĩa là có người cho rằng: Vạn pháp đều do tâm, tùy ý vận dụng là Phật, rong ruổi theo vạn pháp, lẽ nào không ủng công vất vả hay sao? Vì vậy nay mở rộng trình bày về tâm, tuy chính là Phật mà vì phiền não (Trần lao) che lấp đã lâu, cho nên dùng vạn hạnh để tăng thêm tu tập, khiến cho sáng ngời trong suốt. Lại chỉ nói vạn hạnh do tâm, không nói đến không tu tập là vậy. Lại vạn hạnh tức là tâm, tu tập nào ngăn ngại tâm?

Văn có mười câu: 1- Như người bệnh ấy không có gậy chống thì không đứng dậy nổi, bệnh nặng phiền não mượn pháp thiện để giúp đỡ nhau. 2- Nếu không có làn nước giáo pháp thì mầm non giáo pháp không nảy sinh. 3- Đối cảnh quên tâm thì sáu Trần không nhiễm. 4- Thiện cũ không tạp nhiễm, thiện mới tiến lên tu tập, có thể gọi là kiên cố. 5- Trái thuận không vướng mắc thì thân nhiên rộng rãi. 6- Vắng lặng soi chiếu, bên trong chứng đạt, sáng ngời không có tỳ vết. 7- Tiếp xúc với cảnh hiểu rõ về Như, tất cả đều soi xét thông suốt. 8- Sáu căn tự tại như vua, tánh giống như Phật, trừ bỏ trần cảnh, phát khởi tác dụng, thấy biết rõ ràng. 9- Thể Như cùng với Phật rộng khắp pháp giới. 10- Dùng mười Lực điều phục chúng sinh, quán sát đạt được thông suốt còn lại.

Tu tâm như vậy thì tròn vẹn pháp Phật trước đây.

Mục bốn- Từ “Thiện nam tử, ngã duy...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, không trú vào phạm vi Niết-bàn, nên biết là sinh khởi về sau. Văn còn lại hiển bày lẫn nhau.

Mục năm- Từ “Tùng thử...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Bên châu Diêm-phù-đê, bởi vì Châu này ở bờ Nam, biểu thị về sắp gần bên cạnh, cho nên không lui sụt; cũng nói là đã đạt được, bởi vì Bát-nhã ở phía sau của sáu Độ.

Ma-lợi Già-la, bản kinh thời Tấn dịch là Trang Nghiêm. Tỳ-kheo Hải Tràng, là nghiệp dụng sâu rộng mà cao vượt lên, bởi vì tâm thẳng thắn không lay động như biển vốn là thù thắng cao nhất.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn sáu: Tỳ-kheo Hải Tràng, Thiện hữu nương vào Chánh Tâm Trú, văn chỉ có năm mục.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, văn hiển bày có thể biết.

Trong mục hai- Từ “Nãi kiến kỳ nhân...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có hai: 1- Gặp gỡ cung kính; 2- Từ “Thiện Tài Đồng tử tán ngôn...” trở xuống là thưa hỏi.

Mục 1- Gặp gỡ cung kính, khác nhau về chi tiết so với trước đây, nghĩa là đã gặp gỡ rồi vị ấy tiến vào Định hiện rõ Thể-Dụng, tức là giống như chính thức chỉ ra pháp giới ở văn trước đây. Các vị Dạ Thần sau này phần nhiều tương tự như vậy. Trong văn có năm: a- Nhìn thấy tướng tiến vào Định; b- Nhìn thấy Dụng thù thắng của Định; c- Ngước nhìn cung kính chứng thực tiến vào; d- Thời gian đã trải qua; e- Nhìn thấy từ Định đứng dậy.

Mục a- Nhìn thấy tướng tiến vào Định. Ở đây bao gồm hai Định:

1: Tức là Định Diệt thọ tưởng, nghĩa là không có suy nghĩ hiểu biết (Tư giác) gì khác, bảy Chuyển Thức đã ngừng lại, chỉ có Thức thứ tám duy trì thân trong Định, bởi vì lực Thệ Nguyên của gia hạnh trước đây, khiến cho thân ở trong Định mà khởi lên các nghiệp dụng. Nếu trong Viên giáo thì dung thông thấu nhiếp pháp giới tự tại vô ngại, bởi vì nghiệp dụng không có giới hạn, chưa hề dấy khởi ý niệm. Do đó, Địa thứ sáu có thể tiến vào Diệt Định, mà khởi lên Dụng của Thần thông. Bởi vì Trú tựa như Địa, cho nên kinh Tịnh Danh nói: “Không rời khỏi Diệt Định mà hiện rõ các oai nghi.” Chính là điều này.

2: Tức là Thiền thứ tư. Bởi vì khởi Dụng phần nhiều dựa vào đó, Thiền thứ tư không có hơi thở ra-vào, cũng không có Giác-Quán, mà các suy nghĩ hiểu biết về Hỷ-Lạc thanh tịnh bên trong, bao gồm biểu thị cho

tâm Định của phần vị này vốn bất động. Lại kinh hành bên cạnh Địa là nơi thuộc về động, mà diệt mất suy nghĩ hiểu biết, là biểu thị ngay nơi động mà tịch. Nhưng nói bên cạnh là bởi vì không trú vào Hạnh.

Trong mục b- Từ “Tùng kỳ túc...” trở xuống là nhìn thấy nghiệp dụng của Định, có hai tiết: Một- Riêng biệt trình bày về nơi tác dụng sai khác của thân thể; Hai- Từ “Hải Tràng Tỳ-kheo hựu ư kỳ thân...” trở xuống là tổng quát hiển bày về nghiệp dụng của ánh sáng ở lỗ chân lông.

Tiết một- Toàn bộ mười bốn nơi tác dụng không giống nhau, tổng quát về tướng mà trình bày, từ dưới lên trên dần dần tăng thêm thù thắng; riêng biệt thì tất cả đều biểu hiện không giống nhau:

1- Bàn chân hiện ra những Trưởng giả, bàn chân có hai nghĩa: a- Nghĩa về bắt đầu, bởi vì phần nhiều hiển bày đầu tiên của vạn hạnh là thực hành Bồ thí; b- Nghĩa về đi-đứng, bởi vì lớn thêm Hạnh của Trưởng giả, bởi vì Cư sĩ đến được nơi yên ổn, bởi vì hạnh thanh tịnh của Bà-la-môn, bởi vì thành tựu Bồ-đề là Lợi hành.

2- Đầu gối hiện ra những Sát-đế-lợi, bởi vì ruộng đất của Đế vương gập vào-duỗi ra tự tại, đi lại nhờ vào đầu gối mà sinh ra Hạnh thanh tịnh, tiếp theo hai Nhiếp trước cho nên nói về Ái ngữ và Đồng sự.

3- Eo lưng hiện ra Tiên nhân, eo lưng nghĩa là ở dưới vòng rốn, ở giữa biển khí, là nơi bỏ cũ lấy mới, mà hiện ra Tiên nhân. Bản tiếng Phạn nói là Na-bế Man-đà-la, Trung Hoa nói là Tê Luân.

4- Bên sườn hiện ra loài rồng, bởi vì là loài Bằng sinh.

5- Tướng chữ Đức ở giữa ngực hiện ra Tu-la, bởi vì ngực là nơi của huyền thuật kiêu mạn có thể sinh ra, có thể diệt đi; lại trình bày về tướng chữ Đức có thể hàng phục ma quân.

6- Lưng hiện ra Nhị thừa, bởi vì trái với Đại thừa.

7- Vai hiện ra những Dạ-xoa, bởi vì vai là nơi của năng lực dũng mãnh đáng sợ; lại vốn là nơi gánh vác, thực hiện sự nghiệp bảo vệ.

8- Bụng hiện ra những Khẩn-na-la, bởi vì bụng là nơi của đánh trống-gảy đàn-hát ca thuộc về âm nhạc

9- Khuôn mặt hiện ra Luân vương, bởi vì truyền bá mười thiện khiến cho hưởng về Phật pháp.

10- Đôi mắt hiện ra mặt trời, bởi vì đôi mắt giống như mặt trời soi chiếu.

11- Giữa chạng mảy hiện ra Đế Thích, bởi vì tôn quý thù thắng nhất ở trong các trời Địa cư, dùng Bát-nhã Trung đạo mà giáo hóa

chúng sinh, khiến cho lia xa năm Dục đạt được pháp thanh tịnh.

12- Vầng trán hiện ra Phạm vương, bởi vì Phạm vương vượt lên trên năm Dục, tiếp ở phía trên chặng mày; lại bởi vì vầng trán là nơi chạm đất để thỉnh cầu giáo pháp.

13- Trên đầu hiện ra Bồ-tát, bởi vì đầu là cao nhất, cho nên nói về thực hành mười Độ; tất cả đều hiển bày có thể biết.

14- Đỉnh đầu hiện ra Đức Phật, là bởi vì vô cùng tôn quý không có gì cao hơn.

Trong văn có ba tiết: 1- Tổng quát hiển bày về tướng của thân-ngũ đã hiện ra; 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về rưới mưa giáo pháp (Pháp vũ) không giống nhau; 3- Từ “Như thị...” trở xuống là một câu tổng quát kết luận.

Ngay trong tiết 2 là riêng biệt làm sáng tỏ về rưới mưa giáo pháp, toàn bộ có ba mươi hai loại: Mười hai loại trước là rưới mưa giáo pháp vì Bồ-tát, còn lại là vì nhiều chủng loại.

Trong mười hai loại trước:

1- Rưới mưa giáo pháp bình đẳng nhận biết tất cả, tóm lược có ba loại bình đẳng: Một- Thỉ giác giống như Bồn giác, bởi vì không có khác nhau về Thỉ-Bổn; Hai- Bởi vì giống với chư Phật; Ba- Bởi vì chúng sinh và Phật cùng một tánh. Đạt được ba loại bình đẳng này thì chuyển thành Diệu giác.

2- Rưới mưa giáo pháp khắp nơi các môn (Phổ môn): Mười loại rưới mưa giáo pháp dưới đây tức là Thập Trú, bởi vì đầy đủ phần vị Thập Trú trong phần vị Viên giáo, chính là thành Phật, trước phần vị này lại không có phần vị nào khác. Đây là dựa theo dùng phần vị để thâm nhiếp phần vị, không phải là Tông chỉ Nhất thừa, còn lại không nói đến ở đây. Nhưng mười pháp này đều là khuyến khích tu học, bởi vì khuyến khích Thắng tiến về mười pháp đã trú vào Tự phần. Phổ Môn tức là ba đời..., mười loại Trí tuệ khuyến khích khiến cho tiến lên tu tập về pháp Quán Đảnh của Phật. Về sau đều dựa theo đây.

3- Khiến cho học hỏi tất cả các phương tiện khéo léo của bậc Pháp Vương, bởi vì làm cho trang nghiêm.

4- Khiến cho học hỏi về nhận biết quốc độ-lay động quốc độ..., đều không có gì có thể hủy hoại, bởi vì vượt lên cao nhất

5- Khiến cho học hỏi về nói một ngay nơi nhiều, nói nhiều ngay nơi một..., mười loại pháp sâu xa rộng lớn, cho nên gọi là Hải Tạng.

6- Khiến cho học hỏi về tất cả các pháp không có Tướng-không có Thể..., tất cả đã đều như vậy, gọi là cảnh giới rộng khắp.

7- Nhận biết chúng sinh không có giới hạn, cho đến nhận biết chúng sinh không có tự tánh, đều là môn Tự tánh, bởi vì không có giới hạn... cũng hòa vào Tự tánh.

8- Nhận biết rõ ràng trọn vẹn đầy đủ về pháp của chư Phật ba đời, đều là bởi vì tùy thuận thế gian.

9- Bình đẳng quán sát tất cả Chúng sinh giới, bởi vì thương xót.

10- Bởi vì luyện tập đọc tụng, nghe hiểu biết nhiều, rỗng rang vắng lặng, gần gũi Thiện tri thức..., đều là tích tập ẩn chứa đối với pháp hành, bắt đầu sửa trị tâm địa cho nên gọi là mới học.

11- Khiến cho thường xuyên cúng dường chư Phật, làm Chủ dẫn dắt thế gian để thâm nhiếp chúng sinh. Nếu đưa ra giải thích như Thập Địa thì tương tự có thể dựa theo suy nghĩ.

12- Tức là Bồ-tát Thập Tín, bởi vì khiến cho duyên với tất cả cảnh giới vô tận của Phổ Hiền và Như Lai, mà phát sinh Tín tâm, rõ ràng hiện ra trước mắt tiến lên hòa vào phần vị.

Sau từ “Vị Sắc giới...” trở xuống là hai mươi loại rười mưa giáo pháp, tất cả vì nhiều chủng loại trời-người:

1- Tổng quát vì chúng sinh cõi Sắc rời bỏ bên ngoài trú vào bên trong, khiến cho đạt được tâm-cảnh vô ngại, cho nên gọi là Phổ Môn.

2- Chỉ nói đến Thiên thứ nhất, bởi vì đời trước luyện tập nhiều về Từ mà chỉ chú trọng quyền thuộc của mình, nay khiến cho Từ rộng khắp hàm chứa phước không có tận cùng.

3- Tức là trời Tha Hóa Tự Tại, chuyển thế tự tại, phát sinh mười Lực tự tại.

4- Ngay trong trời Tha Hóa phân ra chúng Ma, Ma tự cao thích phá đẹp chúng khác, nay khiến cho phá đẹp Tà mạn ấy mà đạt được pháp tràng của tâm Từ.

5- Tùy theo ý niệm hóa làm vui sướng mà chỉ vậy bản tự tâm, chuyển đổi khiến cho ý niệm thanh tịnh.

6- Tuy biết vừa đủ đối với niềm vui thế gian, mà thích hợp sinh ra ý của xuất thế gian.

7- Niềm vui thế gian luôn luôn tỏ ý vui mừng, không sánh bằng niềm vui của Pháp hỷ.

8- Cuối cùng của cõi trời Địa Cư ao ước cõi trời Không Cư làm thù thắng, không sánh bằng Không của pháp tánh trang nghiêm cho Phước-Trí.

9- Tánh của Dạ-xoa nhiều hung bạo độc hại, vì vậy khiến cho hoan hỷ đối với hàm sinh. Đây là dựa theo đối trị để trình bày về hoan

hỷ, trời Dạ-ma trước đây dựa theo phương tiện thích hợp để tùy thuận.

10- Bởi vì loài ấy khéo léo tấu lên âm nhạc, đức cao nhất của Thanh văn cũng bị phá hoại, nay khiến cho đạt được Trí Kim Cang, không có gì không phá đẹp, không có gì không viên mãn.

11- Loài ấy cậy vào thân hình to lớn mà sinh ra kiêu mạn, khiến cho nhìn thấy Pháp thân xứng với cảnh của pháp giới.

12- Loài ấy dùng đôi mắt thanh tịnh quán sát biển rộng, ý muốn nuốt ăn loài rồng, khiến cho dùng ánh sáng của Trí làm đôi mắt Từ Bi soi chiếu cơ cảm khắp nơi.

13- Tùy theo sự ca hát khéo léo của loài ấy, khiến cho đạt được Trí thế gian thù thắng dựa vào Không mà trải qua Hữu.

14- Vua loài người đắm theo vui sướng, cho nên chỉ thuyết giảng về đối trị.

15- Loài rồng nhiều nóng giận ác độc, mà thuyết giảng làm cho hoan hỷ; có nỗi sợ hãi như cát nóng..., thuyết giảng về pháp tràng mà có thể phá đẹp.

16- Mãng xà nhiều độc hại, lại bị trùng nhỏ rửa ăn mãi không thôi, cho nên thuyết giảng để bên trong chấm dứt tâm độc hại, bên ngoài ngừng hết mọi khổ đau.

17- Thân của chúng sinh địa ngục nhận chịu khổ đau không có giới hạn, tâm niệm xấu ác không có giới hạn, nếu dùng Chánh niệm Tam Bảo làm cho trang nghiêm, thì nhanh chóng thoát khỏi những khổ đau.

18- Súc sinh vốn nhiều ngu si.

19- Diêm Ma và quỷ tốt sợ hãi lẫn nhau, bởi vì ngay cả thân của Vương cũng có nỗi sợ hãi như sắt nóng-đồng sôi...

20- Các nạn, đó gọi là tám nạn và ngục tù giam cầm... ở loài người, mà phần nhiều không yên ổn, cho nên thuyết giảng để an ủi tất cả, đều khiến cho có thể tiến vào chúng hội của Hiền Thánh, vượt qua mọi nơi tai nạn ấy.

Tiết 3- Kết luận về Dụng xứng với tánh rộng khắp mọi nơi.

Tiết hai là tổng quát hiển bày về nghiệp dụng của ánh sáng ở lỗ chân lông, có thể biết.

Trên đây là nhìn thấy Tướng-Dụng của Định, xong.

Trong mục c- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài Đồng tử nhất tâm...” trở xuống ngược nhìn cung kính chứng thực tiến vào, có mười câu: Câu đầu là suy nghĩ về người chứng đạt pháp giới thuộc về người, những câu còn lại là suy nghĩ về pháp chứng đạt pháp giới thuộc về pháp.

Trong đó: Đầu là một câu tổng quát, nói Tam-muội là Thể, Giải thoát là Dụng, Thể-Dụng hợp lại trình bày. Tiếp là một câu riêng biệt suy nghĩ về Thể ấy. Tiếp hai câu riêng biệt suy nghĩ về Dụng ấy, một là làm lợi ích rộng nhiều cho chúng sinh, hai là không suy nghĩ phân biệt rộng khắp tất cả bởi vì ngay nơi Dụng mà vắng lặng. Tiếp hai câu suy nghĩ về nguyên cơ của Thể-Dụng trước đây, một là bởi vì Trí bên trong thanh tịnh, hai là bởi vì Duyên bên ngoài thêm vào. Ba câu sau suy nghĩ về pháp Thắng tiến, dựa vào Thể-Dụng trước đây mà tiến thêm ba loại sau.

Mục d- Từ “Như thị trú...” trở xuống là thời gian đã trải qua: Sáu tháng-sáu ngày, là bởi vì trong Trú thứ sáu đầy đủ Độ thứ sáu, dùng pháp vị mà cung cấp cho tinh thần, thân tâm đều quên không nhận biết thời gian đã lâu.

Mục e- Từ “quá thử dĩ...” trở xuống là trình bày về rời khỏi Định, bởi vì những việc làm đã xong

Trong mục 2: Là chính thức trình bày về thưa hỏi, có hai: a- Ca ngợi; b- Thưa hỏi.

Trong mục a- Ca ngợi, phân hai tiết: Một- Nêu lên ca ngợi sâu xa thù thắng. Hai- Từ “Dĩ năng trừ diệt...” trở xuống là đưa ra nguyên cơ ca ngợi, bởi vì đầy đủ các nhân dưới đây. Trước đây nói là rất sâu xa rộng lớn..., trong đó nói là có thể khiến cho tăng trưởng niềm vui hữu vi, là bởi vì không rời bỏ hữu vi. Đưa ra niềm vui hữu vi, là bởi vì không nhiễm theo hữu vi. Lại câu trước là vì phạm phu, câu tiếp là vì Nhị thừa. Sau nói là dẫn dắt phát khởi Bồ-đề, tức là căn khí của Đại pháp.

Mục b- Từ “Thánh giả, thử Tam-muội giả...” trở xuống là chính thức thưa hỏi, có hai lượt hỏi-đáp: Một- Thưa hỏi về tên gọi; Hai- Thưa hỏi về Dụng.

Trong tiết một- Thưa hỏi về tên gọi: 1- Thưa hỏi; 2- Giải đáp.

Tiết 1- Thưa hỏi: Trước đã tu tập tiến vào, sao lại thưa hỏi về tên gọi? Điều ấy giống như người thế gian có được bữa ăn của bậc Đại Vương, tuy ăn mùi vị ngon lành mà đâu chắc chắn biết về tên gọi.

Tiết 2- Giải đáp có ba tên gọi: Đầu là một tên gọi từ Trí mà thiết lập, tiếp là một tên gọi cùng dựa vào Cảnh-Trí, sau là một tên gọi cùng dung thông Cảnh-Trí mà thiết lập.

Đầu là tên gọi từ Trí mà thiết lập: Phổ Nhân Xả Đắc, Trí Bát-nhã soi chiếu tất cả các pháp cho nên gọi là Phổ Nhân, đều không có pháp đã đạt được cho nên nói là Xả Đắc. Nếu có pháp đã đạt được thì không thể nào ngay nơi Tịch mà Dụng, bởi vì không có pháp đã đạt được thì

không có gì không đạt được. Bồ-tát không có đạt được thì tâm không vướng mắc chướng ngại, chư Phật không có đạt được thì đạt được Bồ-đề.

Xưa nói rằng tất cả các Chương đều vắng lặng gọi là Xả, tất cả các Lý đều chứng đạt gọi là Đắc, không phải là không có Lý này nhưng mà chưa thành tựu sâu xa.

Tiếp là tên gọi cùng dựa vào Cảnh-Trí: Bát-nhã thanh tịnh cho nên cảnh giới thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh đều vốn là Bát-nhã thanh tịnh.

Sau là tên gọi cùng dung thông Cảnh-Trí: Bát-nhã hiểu rõ cảnh giới, không có cảnh giới nào không phải là Bát-nhã, nơi nào không trang nghiêm?

Vì vậy Trí Luận nói: “Nói về Trí và nơi chốn của Trí đều gọi là Bát-nhã.” Vậy thì như Bát-nhã thanh tịnh, như cảnh giới thanh tịnh, bởi vì không có hai-không có hai phần, không có riêng biệt-không có gián đoạn, cho nên một trang nghiêm thì tất cả trang nghiêm, gọi là Phổ Trang Nghiêm, và thâm nhiếp quyển thuộc, có thể biết.

Tiết hai- Từ “Thiện Tài Đồng tử ngôn: Thánh giả...” trở xuống là thưa hỏi về Dụng trong cảnh giới trước đây: 1- Thưa hỏi; 2- Giải đáp.

Tiết 1- Thưa hỏi: Chỉ có như vậy, thì những điều mắt nhìn thấy trước đây có thể đã tu tập tiến vào ngoài sự nghe-nhìn, lại mong mỗi nghe điều gì khác?

Trong tiết 2 là giải đáp, đều chỉ ra những điều không đạt tới trên đây, trong đó có ba: a- Trình bày về vô ngại đối với Khí thế gian; b- Từ “Kiến nhất thiết Phật...” trở xuống là vô ngại đối với Trí chánh giác thế gian; c- Từ “Đại Bi nhiếp thọ...” trở xuống là vô ngại đối với Chúng sinh thế gian, trong đó được thấy Phật cũng vốn là thâm nhiếp chúng sinh. Văn đều có thể biết.

Trong mục ba- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến: 1- Khiêm tốn về mình chỉ biết một pháp. 2- Từ “Như chư...” trở xuống là mở rộng Thắng tiến, có hai: a- Nêu ra pháp đã nhận biết của vị ấy; b- Từ “Nhi ngã...” trở xuống là hiển bày về không thể lường được.

Trong mục bốn- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Nơi chốn tên gọi Hải Triều, nhưng nói có nơi, bởi vì hãy còn là đất nước trước đây, hiển bày về Hạnh thuộc phương tiện không lìa xa Bát-nhã.

Nói Hải Triều, nghĩa là nơi sóng nước đã dâng lên, hiển bày về phương tiện dựa vào căn cơ mà không vượt qua giới hạn, cũng sắp tiến

vào biển sinh tử để cứu giúp chúng sinh, bởi vì chủ động nhận biết về vô lượng pháp của chư Phật ba đời, cho nên pháp môn trước đây gọi là Hải Tạng.

Khu vườn tên gọi Phổ Trang Nghiêm, bởi vì dựa theo tướng thì rộng lớn mà có nhiều loại trang nghiêm, dựa theo biểu thị thì vốn lấy sinh tử làm vườn hoa, vạn hạnh làm trang nghiêm. Lại văn nghĩa thuận theo nhau mà cùng trang nghiêm cho pháp Tổng trì vô lậu.

Thiện hữu tên gọi Hư Xả, Trung Hoa nói là Ý Lạc, cũng nói là Hy Vọng, cũng nói là Mãn Nguyện, nghĩa là tùy theo ý thích và hy vọng của chúng sinh, mà đạt được viên mãn, cũng bởi vì có thể viên mãn tánh-tướng của pháp. Trước đây Bát-nhã hiểu rõ Chân cho nên nương vào Tỳ-kheo, ở đây là phương tiện dùng tâm Từ mà tiến vào Tục, cho nên nương vào Ưu-bà-di.

Mục năm- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 64 trong kinh).

Đoạn bảy: Ưu-bà-di Hư Xả, Thiện hữu nương vào Bất Thối Trú, trong văn có đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1- Nghĩ đến lời dạy của vị Thiện hữu trước đây, văn có mười câu, năm câu trước là lời tựa của người kết tập kinh pháp, năm câu sau là chính thức bày tỏ về pháp đã nghĩ đến, có thể biết. 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau, cũng có thể biết.

Trong mục hai- Từ “Kiến Phổ Trang Nghiêm...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Gặp gỡ; 2- Cung kính; 3- Thưa hỏi.

Trong mục 1- Gặp gỡ, có hai:

Mục a- Nhìn thấy Y báo thù thắng, có mười sự việc trang nghiêm: 1- Tường bằng vật báu bao bọc xung quanh. 2- Từ “Nhất thiết bảo thọ...” trở xuống là cây rừng xếp hàng thẳng tắp. 3- Từ “Kỳ địa...” trở xuống là lầu đài cao vút đẹp đẽ. 4- Từ “Nhất vạn dục trì...” trở xuống là hồ tắm trong vắt đẹp đẽ. 5- Từ “Kỳ trung phục hữu bách vạn pha...” trở xuống là soi bóng xuống theo dòng chảy của hồ. 6- Từ “Viên trung phục hữu quảng đại...” trở xuống là trang nghiêm đầy đủ cung điện-chỗ ngồi, tức là riêng biệt trình bày về chỗ ngồi của Thiện hữu, trước là cung điện-sau là chỗ ngồi, có thể biết. 7- Từ “Viên trung phục hữu...” trở xuống là dùng màn che-lưới giăng để che phủ, trước là màn che-sau là lưới giăng. 8- Từ “Hữu bách vạn đại quang...” trở xuống là dùng ánh sáng rực rỡ để chiếu rọi. 9- Từ “Thường vũ...” trở xuống là mưa xuống nhiều loại trang nghiêm. 10- Từ “Bách vạn Thiên tử...” trở xuống là

phàm-Thánh mừng vui cung kính.

Mục b- Từ “Thời Hưu Xả...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy Chánh báo đọa nghiêm, trong đó có bốn: 1- Chánh báo thù thắng khác thường. 2- Từ “Bách thiên ức...” trở xuống là mười phương quy tụ nương nhờ. 3- Từ “Kỳ hữu kiến thử...” trở xuống là nghiệp dụng khó lường nổi. 4- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài nhập...” trở xuống là chính thức nhìn thấy oai nghi của thân.

Mục 2- Từ “Vãng nghệ kỳ sở...” trở xuống là lễ chào cung kính, vẫn có thể biết.

Mục 3- Từ “Bạch ngôn Thánh giả...” trở xuống là thưa hỏi về pháp quan trọng, vẫn có thể biết.

Mục ba- Từ “Hưu Xả cáo ngôn: Thiện nam tử...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, lược qua không có khen ngợi, chỉ có chính thức chỉ ra pháp giới, trong đó có bốn: 1- Nêu ra Thể-Dụng của pháp môn; 2- Cùng tận về mức độ sâu cạn của Nhân; 3- Hiện bày về thời gian xa gần của Quả; 4- Làm sáng tỏ về tên gọi của pháp môn.

Mục 1- Nêu ra Thể-Dụng của pháp môn, phân hai:

Mục a- Tổng quát nêu ra tên gọi của Thể-Dụng, phần sau là hiển bày về Dụng dựa theo không trống rỗng (Bất Không).

Mục b- Từ “Thiện nam tử, nhược hữu...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Dụng thù thắng, trong đó có ba tiết:

Tiết một- Trình bày về Dụng lợi ích cho chúng sinh không trống rỗng, trước là ngược lại, sau là thuận theo. Nhìn thấy đều không lui sụt, là bởi vì hiển bày đạt đến Bất Thối Trú nếu như đạt được phương tiện.

Tiết hai- Từ “Thiện nam tử, Đông phương...” trở xuống là Dụng làm lợi ích khắp nơi của chư Phật, bởi vì cùng trú với Tam Bảo, cùng trú với mình, thấy đều không trống rỗng.

Tiết ba- Từ “Thiện nam tử, ngã thử...” trở xuống là dẫn chứng về không trống rỗng, hiện tại cùng trú với nhau đều không lui sụt, cũng biểu thị cho phương tiện tiến vào Tục, thì tám vạn phiền não đều trở thành Ba-la-mật.

Trong mục 2- Cùng tận về mức độ sâu cạn của Nhân: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục b- giải đáp, có hai tiết:

Tiết một- Giải đáp dựa theo nhân duyên: Bà-lâu-na, Trung Hoa nói là Thủy. Tổng quát có ba mươi sáu Hằng-sa, gần Phật đã nhiều, phát tâm đã lâu, mà chỉ nói ba mươi sáu Hằng-sa, là hiển bày đã trải qua sáu phần vị trước đây, mỗi một phần vị tu tập đầy đủ sáu Độ, sáu

nhân sáu là ba mươi sáu, đều là Hằng-sa tánh đức, cho nên nói như vậy mà thôi. Niết-bàn cũng có số lượng này.

Tiết hai- Từ “Thiện nam tử, Bồ-tát sơ phát tâm...” trở xuống là giải đáp dựa theo tâm lượng, bởi vì ý hiển bày về phát tâm xứng với pháp giới, cũng giống như chúng sinh, chúng sinh cũng không có phạm vi bắt đầu, từ Si nảy sinh Ái, mà Bồ-tát phát tâm bởi vì Si-Ái không có bắt đầu, cho nên tâm cũng không có kết thúc.

Trong mục 3- Hiển bày về thời gian xa gần của Quả: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục b- Giải đáp, bởi vì trình bày không có phạm vi giới hạn, không nên dấy lên thưa hỏi về xa gần. Trong văn có ba tiết:

Tiết một- Giải thích ngược về không có phạm vi giới hạn, trong đó: 1- Riêng biệt trình bày có hai mươi bốn câu, tám câu đầu là giáo hóa chúng sinh, sáu câu tiếp là cúng dường chư Phật, bốn câu tiếp là trang nghiêm quốc độ, sáu câu sau là duy trì giáo pháp. 2- Từ “Như thị lược thuyết...” trở xuống là tổng quát hiển bày.

Tiết hai- Từ “Dục giáo hóa điều phục nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là thuận theo giải thích thuận về không có phạm vi giới hạn, cũng có riêng biệt-có tổng quát, có thể biết.

Tiết ba- Từ “Thiện nam tử, Bồ-tát hành phổ nhập...” trở xuống là tổng quát kết luận về Vô tận. Ở đây giống như mười câu Vô tận trong Địa thứ nhất, bởi vì chúng sinh Vô tận, cho nên thành Phật không có hạn kỳ. Nếu như vậy thì lẽ nào cũng không có thành tựu hay sao? Vì vậy sơ lược phân rõ về nghĩa của thành tựu-không thành tựu, gộp lại làm thành bốn câu phân biệt:

1- Bởi vì trước đây dựa theo nhân duyên dày-mỏng, đối với Vô tận hiện tại thì có bắt đầu mà không có thành tựu, đây là dựa theo môn Bi đạt được quả mà không rời bỏ nhân.

2- Bởi vì xứng với pháp giới mà phát tâm, không thấy tướng bắt đầu mới là chân thật thành tựu, thì không có bắt đầu mà có kết thúc, đây là dựa theo Trí mà nói.

3- Bi và Trí hợp lại trình bày, không làm hỏng tướng mà không trở ngại bắt đầu và kết thúc, các văn trước sau đưa ra ví dụ không phải là một.

4- Dựa theo xứng tánh mà nói, thì không có kết thúc-không có bắt đầu.

Thiên Nữ nói rằng: Chỉ bởi vì số lượng văn tự của thế tục cho nên nói có ba đời, chứ không nói là Bồ-đề có quá khứ-hiện tại-vị lai.

Vì vậy, trong Đại nguyện-Tinh tiến ở văn sau, Dạ thần nói rằng: Không thể phân biệt về Trí Luân của Bồ-tát... theo kiếp số dài ngắn trong sinh tử. Nói rõ bốn câu phân biệt này không có gì chướng ngại, muốn thành tựu thì niệm niệm thành tựu, luôn luôn thành tựu-luôn luôn không thành tựu, không có gì chướng ngại.

Mục 4- Làm sáng tỏ về tên gọi của pháp môn: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Mục b- Giải đáp nói rằng: Ly Ưu An Ẩn Tràng, điều này có hai nghĩa: Một- Bởi vì Đại Bi hiển bày cao xa, cho nên gọi là Tràng. Có người nhìn thấy Tràng ấy, lia xa khổ-phiền não và nghiệp, không lui sụt Bồ-đề, thì gọi là lia xa buồn lo đạt được yên ổn. Hai- Bi ngay nơi Trí trải qua khổ mà yên ổn, Trí ngay nơi Bi nhiều kiếp mà không có gì buồn lo, cùng loại bỏ sinh tử và Niết-bàn, chỉ vượt ra ngoài phàm phu-Tiểu thừa, cho nên gọi là Tràng.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Trong mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Nói nơi chốn của Hải Triều, là chỉ dựa theo Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh không có sai lầm, mà nhận lấy tên gọi Đồng Chân, không khác với nơi chốn trước đây.

Đất nước tên gọi Na-la-tố, Trung Hoa nói là Bất Lại Đọa, bởi vì chuyển dời quốc độ, duy trì quốc độ, quán sát quốc độ, đi đến quốc độ, không hề có dừng nghỉ.

Tiên nhân tên gọi Tỳ-mục Cù-sa, tiếng Phạn hãy còn tóm tắt. Nếu đầy đủ thì phải nói là Tỳ-mục Đa-la Niết-cụ-sa, Trung Hoa phiên ra gọi là Tối Thượng Vô Khủng Bố Thanh. Cũng nói là Tỳ-sa-ma, Trung Hoa nói là Vô Bố Úy. Ô-đa-la, Trung Hoa nói là Thượng; Niết-cù-bà, Trung Hoa nói là Xuất Thanh. Hai cách dịch giống nhau trên đại thể, nghĩa là thường phát ra âm thanh tăng thượng không có gì sợ hãi, mà làm yên ổn chúng sinh. Văn trong Trú ấy nói là phát ra âm thanh đầy đủ rộng lớn khắp nơi, bởi vì Đồng Chân trong sáng vô lậu, cho nên nương vào Tiên nhân để biểu thị.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn tám: Tiên nhân Tỳ-mục, Thiện hữu nương vào Đồng Chân Trú, văn có đầy đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: 1- Nghĩ đến lời dạy của vị Thiện hữu trước đây, có mười hai câu: Đầu là hai câu tổng quát trình bày về thuận theo Giải-Hạnh trước đây; sau là mười câu dựa vào tâm thù thắng trước đây để tăng tiến, bốn câu trước dựa theo Phước,

sáu câu sau dựa theo Trí. 2- Hưởng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau, có thể biết.

Trong mục hai- Từ “Kiến nhất đại...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Nhìn thấy; 2- Lễ chào cung kính; 3- Thưa hỏi.

Mục 1- Nhìn thấy, phân hai: a- Nhìn thấy Y báo, cây tên gọi Ba-tra-la, đích thực như cây Thu ở phương này; Ni-câu-luật, như cây Liễu ở phương này, hạt tựa như cây Sơn tra. Còn lại như trong Âm Nghĩa. b- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử kiến bỉ...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo, dẫn đầu một vạn đồ chúng, là biểu thị cho vạn hạnh.

Mục 2- Từ “Thiện Tài kiến dĩ...” trở xuống là lễ chào cung kính và ca ngợi, trong đó có ba tiết:

Tiết một- Thân nghiệp cung kính.

Tiết hai- Mở lời ca ngợi, nhìn thấy yên ổn và nguy hiểm. Niết-bàn là yên ổn, sinh tử là hiểm nạn. Lại cả hai đều là nguy hiểm, không dừng lại là yên ổn. Còn lại có thể biết.

Tiết ba- Từ “Tác thị ngữ dĩ...” trở xuống là trở lại trình bày về thân nghiệp cung kính, bởi vì sắp muốn thưa hỏi.

Mục 3- Từ “Bạch ngôn: Thánh giả...” trở xuống là thưa hỏi về pháp quan trọng.

Trong mục ba- Từ “Thời Tỳ-mục...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, có hai: 1- Khen ngợi về pháp khí; 2- Chính thức trao cho pháp quan trọng.

Trong mục 1- Khen ngợi về pháp khí, có bốn:

Tiết một- Tổng quát khen ngợi về phát tâm. Nhìn thấy đồ chúng, là bởi vì khiến cho cung kính học theo.

Tiết hai- Từ “Thiện nam tử, thử Đồng tử...” trở xuống là riêng biệt khen ngợi tướng của phát tâm.

Tiết ba- Từ “Thời chư Tiên chúng...” trở xuống là quyến thuộc cung kính ca ngợi. Nói nguy hiểm và dễ dàng, dễ dàng cũng là bằng phẳng.

Tiết bốn- Từ “Thời Tỳ-mục...” trở xuống là thuật rõ ca ngợi kết luận về quả.

Mục 2- Từ “Thời Tỳ-mục Cù-sa cáo Thiện Tài...” trở xuống là chính thức trao cho pháp quan trọng, trong văn có sáu tiết:

Tiết một- Nêu ra tên gọi và Thể của pháp: Trí thanh tịnh biến hóa tự tại của Đồng Chân, biểu thị công dụng cao vượt lên cho nên gọi là Tràng, tướng của phiền não không làm lay động cho nên nói là Vô Thắng, ngay nơi này phá tan phiền não cũng gọi là nghĩa của Tràng.

Tiết hai- Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là đưa ra cảnh giới ấy.

Tiết ba- Từ “Thời Tỳ-mục...” trở xuống là trao truyền khiến cho chúng biết. Xoa trên đỉnh đầu là hiển bày về tướng gia trì. Cầm tay là biểu thị về nghĩa trao cho, bởi vì có năng lực thâm nhiếp lẫn nhau. Pháp đã nhìn thấy, có thể biết.

Tiết bốn- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài Đồng tử vị Bồ-tát Vô Thắng...” trở xuống là đạt được lợi ích của giải thoát. Văn có mười câu hợp thành năm cặp, nghĩa là nhờ vào năm pháp soi chiếu đạt được năm loại lợi ích, pháp có thể soi chiếu đều là tên gọi riêng của Vô Thắng Tràng. Nhưng cặp đầu là tổng quát, bốn cặp còn lại là riêng biệt, lần lượt chuyển tiếp phát sinh lẫn nhau.

1- Cặp tổng quát, bởi vì nhìn thấy tác dụng của Chân Trí ấy, tức là nhận biết về Thể của pháp giới này. Trong vắng lặng mà soi chiếu khắp nơi, cho nên nói là ánh sáng rực rỡ của Tam-muội.

2- Ngay trong ánh sáng rực rỡ của Tam-muội đã đạt được, chính là tác dụng của Trí có thể soi chiếu. Vắng lặng soi chiếu mà vô tận, cho nên đạt được Trí đã soi chiếu mười phương, Tổng trì soi xét rõ ràng không để sót gì.

3- Ngay trong Tổng trì, dùng Trí làm Thể kiên cố sắc bén viên mãn. Nhờ đạt được Trí này mà có thể khiến cho tự tâm không còn chướng ngại, Trí sáng ngời là ánh sáng của vắng lặng soi chiếu.

4- Đạt được Trí Bát-nhã thanh tịnh trên đây, thì tất cả các Hạnh đều trang nghiêm, tất cả các Đức đều đầy đủ, là Tạng trang nghiêm. Ánh sáng này soi chiếu tâm, có thể soi chiếu pháp tánh của Như Lai, bao hàm viên mãn trong Không, Chánh Thọ hiện rõ trước mắt.

5- Luân thuộc về Hư không tạng trên đây, tức là vắng lặng soi chiếu viên mãn tất cả pháp Phật, dùng Luân này soi chiếu tâm, thì Trí tận cùng nguồn pháp vô tận của ba đời. Đây là giải thích dựa theo lần lượt chuyển tiếp. Nếu dựa theo chủ động soi chiếu thì đều là nghĩa riêng biệt trong tổng quát, nghĩa không khác với trước bởi vì không xen vào nhau, mà pháp đã đạt được tức là sự việc trong ba thời gian.

Tiết năm- Từ “Thời bỉ Tiên nhân phóng Thiện Tài...” trở xuống là trình bày về rời bỏ gia trì bởi vì việc làm đã xong. Trở về nơi chốn của mình, là không rời khỏi nơi chốn của mình mà ở khắp nơi mười phương. Đã trở về nơi chốn của mình, thời gian cũng trải qua nhiều kiếp, mà chưa vượt qua một ngày. Xa-gần vô ngại, niệm-kiếp viên dung, đều là Lực của pháp môn thuộc về Thiện hữu Viên giáo, vì vậy Thiện Tài

trong một đời có thể làm xong việc làm của nhiều kiếp. Trong phần vị Phổ Hiền, hoặc là trải qua số kiếp không thể nói hết, không những ba A-tăng-kỳ, mà tất cả đều do pháp lực gia trì, không nên dùng thời gian-dùng nơi chốn để xác định ý chỉ sâu xa này.

Tiết sáu- Từ “Thời bỉ Tiên nhân cáo...” trở xuống là trình bày mở lời tiếp nhận dẫn dắt, có thể biết.

Mục bốn- Từ “Tiên nhân ngôn...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến.

Mục năm- Từ “Thiện nam tử, ư thử...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Y-sa-na, Trung Hoa nói là Trường Trục, nghĩa là ngõ xóm kéo dài thẳng tắp, biểu thị cho khéo léo nhận biết về ba thời gian vốn là lâu dài, khéo léo nhận biết về Thắng nghĩa vốn là thẳng thắn.

Bà-la-môn Thắng Nhiệt, là bởi vì ở trong năm loại nóng bức mà thành tựu Hạnh thù thắng, biểu thị cho Thể nóng bức của phiền não mà thành tựu Đức thù thắng, không nhiễm theo phiền não mà thành tựu Hạnh thanh tịnh.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

